

Số: /BC-UBND

Đức Minh, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
Xã Đức Minh, Huyện Mộ Đức, Tỉnh Quảng Ngãi

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là người nghèo trong khu vực rủi ro cao, phụ nữ, người cao tuổi và người khuyết tật nhiều lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên kiến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho các kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

I- GIỚI THIỆU CHUNG VỀ XÃ

1. Đặc điểm tự nhiên

a) Vị trí địa lý, gianh giới hành chính, sông, suối, rừng, núi, biển...

*** Vị trí**

Đức Minh là một xã ven biển nằm ở phía Đông của huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, cách thành phố Quảng Ngãi 20km về phía Đông Nam, cách trung tâm huyện Mộ Đức 4 km về phía Đông Đông Bắc; Bắc giáp xã Đức Chánh, Nam giáp xã Đức Phong, Tây giáp xã Đức Thạnh và Đông giáp biển Đông. Chiều dài xã 6,4 km, chiều rộng bình quân trên 2,5 km.

*** Địa hình**

Là xã đồng bằng ven biển nên có địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao bình quân từ 7 - 9 m, dọc bờ biển Đông là các sườn dốc hướng về phía đất liền, do đó vùng đất giáp biển hàng năm thường bị cát biển xâm thực.

*** Tài nguyên nước**

- Nước mặt: Nguồn nước mặt được cung cấp chủ yếu bởi 47,7 ha chủ yếu là mặt nước Bầu và Rộc, ao hồ.

- Nước ngầm: Là nguồn tài nguyên quan trọng để bổ sung cho nguồn nước mặt phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

*** Tài nguyên rừng**

Toàn xã có diện tích tự nhiên 1.626,12 ha. Trong đó: đất nông nghiệp 1.298,77 ha, chiếm 79,91% so với diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp 265,23 ha, chiếm 16.32% so với diện tích đất tự nhiên; đất chưa sử dụng 61,35 ha chiếm 3,77% so với diện tích đất tự nhiên, còn lại là diện tích đồi núi, kênh mương, đầm hồ, bển bãi... Toàn xã có 441,51 đất rừng, chiếm 27,17% diện tích đất tự nhiên; trong đó: có

183,25 ha rừng phòng hộ, chiếm 11,28% diện tích tự nhiên; rừng sản xuất 258,26ha, chiếm 15,89% diện tích đất tự nhiên.

*** Không khí**

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa Duyên hải Nam Trung bộ, ảnh hưởng chung khí hậu của tỉnh Quảng Ngãi; có nền nhiệt độ cao, mưa tương đối nhiều, bức xạ lớn

*** Các hệ sinh thái**

Hệ sinh thái nông nghiệp đơn thuần, các đối tượng cây trồng và vật nuôi truyền thống; hệ vi sinh trong đất khá phong phú, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp.

b) Đặc điểm khí hậu nổi bật

Xã nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nền nhiệt cao, mưa tương đối nhiều, bức xạ lớn, đặc điểm khí hậu của xã được thể hiện rõ theo hai mùa; mùa khô từ tháng 02 đến tháng 9, mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 01 năm sau.

- Nhiệt độ: Các tháng có nhiệt độ cao từ tháng 3 đến tháng 8 (cao nhất là các tháng 6,7,8); các tháng có nhiệt độ thấp nhất từ tháng 11 đến tháng 12 và tháng 01 năm sau. Nhiệt độ bình quân hàng năm 25,8⁰C; tháng lạnh nhất trong năm trung bình 21,5⁰C (có khi xuống dưới 20⁰C), tháng nóng nhất có thể lên đến 40 - 41⁰C.

- Độ ẩm: trong năm có sự chênh lệch khá lớn, mùa khô độ ẩm rất thấp nhưng lại tăng nhanh vào mùa mưa. Từ tháng 9 trở đi, độ ẩm tăng lên nhanh chóng và duy trì đến tháng 02 năm sau; độ ẩm cực đại vào khoảng tháng 11, 12 (89,5%). Trong mùa khô đặc biệt vào những tháng cuối mùa lượng mưa ít, độ ẩm không khí thấp, lượng bốc hơi cao, làm tăng khả năng hạn hán.

- Bốc hơi: Lượng bốc hơi trung bình 80,2 mm/tháng. Vào các tháng ít mưa, lượng bốc hơi khá lớn, nhất là vào các tháng mùa hè, lượng bốc hơi trung bình từ 119 - 163 mm/tháng, đó là thời kỳ rất nắng, nóng. Vào các tháng mùa mưa, khả năng bốc hơi thấp, chỉ chiếm 10 - 15% lượng mưa cả tháng, các tháng cuối năm lượng bốc hơi chiếm 20 - 40% lượng mưa trong tháng.

- Nắng: Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 2.136 giờ.

Các tháng có số giờ nắng cao từ tháng 3 đến tháng 8, trung bình đạt từ 218 - 253 giờ/tháng (cao nhất là tháng 6); Các tháng có số giờ nắng thấp từ tháng 9 đến tháng 02 năm sau, trung bình đạt 124 giờ/tháng (thấp nhất là tháng 12).

- Gió: Hướng gió thịnh hành trong năm là gió Đông Bắc và Đông Nam; vận tốc gió trung bình cả năm là 2,8m/s; tốc độ gió lớn nhất là 20 - 40m/s. Ngoài ra, vào khoảng cuối tháng 3 và đầu tháng 9 thường xuất hiện thời tiết khô nóng với thời gian khoảng 10 - 25 ngày; đây là hệ quả của gió mùa Tây Nam vượt dãy Trường Sơn xuống đồng bằng ven biển và các thung lũng thấp. Trong thời kỳ này nhiệt độ cao nhất có thể đạt

tới 41⁰C và độ ẩm thấp dưới 60%. Đặc biệt, mùa hè có gió Đông Nam khô nóng từng đợt từ 5 - 7 ngày gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- Mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.915 mm/năm nhưng phân bố không đồng đều trong năm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 9 kéo dài đến tháng 02 và trùng với mùa bão lớn, lượng mưa chiếm khoảng 82% tổng lượng mưa cả năm, tập trung chủ yếu vào tháng 10, 11 (lượng mưa chiếm tới 50% lượng mưa cả năm). Mùa khô kéo dài từ tháng 03 đến tháng 8, lượng mưa chỉ chiếm khoảng 18% lượng mưa cả năm.

TT	Điều kiện khí hậu	Đặc điểm		Dự báo BĐKH của Tỉnh năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (Theo báo cáo của ¹)
		Đơn vị	Tháng xảy ra	
1	Nhiệt độ Trung bình (°C)	25,8	9, 10, 02, 03	Tăng 1.9°C
2	Nhiệt độ cao nhất (°C)	40-41	5,6,7,8	Tăng thêm khoảng 1.6-1.8°C
3	Nhiệt độ thấp nhất (°C)	18-22	11, 12, 01	Tăng thêm khoảng 1.6-1.8°C
4	Lượng mưa Trung bình (mm)	1.800-2300mm/năm	9, 10, 11, 12	Tăng thêm khoảng 25.1 mm
5	Lượng mưa Cực trị - cao	300mm/năm	10	Tăng thêm khoảng 10.50 mm/năm
	Diễn biến	Diễn biến	Tần suất /năm	
6	Xu hướng hạn	Hạn hán có xu hướng gia tăng	01-02 lần /năm	
7	Xu hướng bão	Tần suất ngày càng tăng, cường độ mạnh, xảy ra vào những tháng cuối năm, di chuyển dần về phía Nam.	07-08 lần /năm	
8	Xu hướng lũ	-Mưa lớn kéo dài -Nước dâng lên nhanh có xu hướng gia tăng, xuất hiện nhanh bất ngờ	03-05 lần/năm	
9	Số ngày rét đậm	Kéo dài khoảng 20 ngày đến 01 tháng	02 - 03 lần /năm	
10	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão	Thường xuyên bị ngập lụt và nước biển dâng cao do bão	04-05 lần /năm	Khoảng 0.86% diện tích – tương đương khoảng 10.000 ha
11	Mực nước biển tại các trạm hải văn			Tăng khoảng 25cm (dao động trong 10-20cm)

¹ http://www.imh.ac.vn/files/doc/KichbanBĐKH/KBBĐKH_2016.pdf

c. Bảng thống kê

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại hình sản xuất
1	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.626,12	
2	Đất thổ cư	46,26	
3	Đất nông nghiệp khác	456,86	Ngô, rau, đậu, lạc, mì, mè, dưa
4	Đất lúa nước	110,82	lúa
5	Đất trồng cây lâu năm	77,41	Đào, dương liễu, keo
6	Đất rừng sản xuất	261,82	Keo lai, bạch đàn, điều
7	Đất rừng phòng hộ	183,25	Dương liễu
8	Đất nuôi trồng thủy sản	89,33	Cá, cua, tôm
9	Đất chuyên dùng	321,88	
10	Đất chưa sử dụng	61,35	

2. Tình hình kinh tế - xã hội

2.1. Số thôn và tên các thôn:

Xã Đức Minh có 04 thôn:

- Thôn Minh Tân Bắc: Có 07 KDC, từ KDC số 1 - 7
- Thôn Minh Tân Nam: Có 06 KDC, từ KDC số 8-13
- Thôn Đạm Thủy Bắc: Có 06 KDC, từ KDC số 14 - 19
- Thôn Đạm Thủy Nam: Có 07 KDC, từ KDC số 20 – 26.

2.2. Thông tin về dân số, kinh tế xã hội cơ bản

a) **Dân số:** Toàn xã có 2.107 hộ, với 10.566 nhân khẩu, được phân bố theo bảng sau:

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Minh Tân Bắc	607	79	62	3.035	1.475	1.560
2	Minh Tân Nam	591	78	79	2.957	1.412	1.545
3	Đạm Thủy Bắc	442	57	69	2.136	1.012	1.124
4	Đạm Thủy Nam	487	63	46	2.438	1.171	1.267
	Tổng	2.107	277	256	10.566	5.070	5.496

Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương
----	------	----------------------------

		Trẻ em dưới 16	Phụ nữ sinh đẻ *	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Người bị bệnh hiểm nghèo
1	Minh Tân Bắc	819	623	61	371	25
2	Minh Tân Nam	702	534	57	320	21
3	Đạm Thủy Bắc	468	356	49	307	20
4	Đạm Thủy Nam	35	268	52	401	23
	Tổng	2.340	1.781	219	1.399	89

TT	Tên thôn	Dân số (người)	Lao động (người)			Lao động qua đào tạo nghề
			Tổng số	Trong đó		
				Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	
1	Minh Tân Bắc	3.035	1.611	1.174	437	215
2	Minh Tân Nam	2.957	1.521	1.023	498	235
3	Đạm Thủy Bắc	2.136	1.149	776	373	211
4	Đạm Thủy Nam	2.438	1.312	897	415	232
	Tổng cộng	10.566	5.593	3.870	1.723	893

b) Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 14,6%. Tổng giá trị sản xuất năm 2017 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 328 tỷ đồng. Trong đó, giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp 114,8 tỷ đồng; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng 100 tỷ đồng; giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 113,2 tỷ đồng.

* Sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp

- Sản xuất nông nghiệp

+ Trồng trọt: Trồng cây lương thực và cây rau màu như: Lúa, ngô, đậu phộng, mè, ớt và dưa; tổng giá trị sản xuất đạt 30,44 tỷ đồng.

+ Chăn nuôi: Tổng đàn trâu 12 con; tổng đàn bò có 3.224 con (trong đó có 1.120 con bò lai); đàn heo có 7.630 con; đàn gia cầm 46.292 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 534,6 tấn. Giá trị sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng đạt 28,39 tỷ đồng.

+ Ngoài ra còn lại các khoản thu nhập khác từ lương và trợ cấp các loại.

- **Lâm nghiệp:** Nhân dân tiếp tục duy trì công tác trồng và chăm sóc cây phân tán khoảng 4.000 cây. Chăm sóc rừng trồng đảm bảo độ che phủ của rừng, khai thác 400m³ gỗ, giá trị khai thác 510 triệu đồng (chủ yếu là cây keo lai lá tràm).

- **Thủy sản:** Số lượng tàu thuyền 212 chiếc, công suất 11.720 CV; sản lượng đánh bắt đạt 1.245 tấn; giá trị sản lượng đạt 43,58 tỷ đồng.

Có 09 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng, diện tích 56.500m²; sản lượng thu hoạch đạt 235 tấn, giá trị sản lượng đạt 27,36 tỷ đồng.

Khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, gây thiệt hại lớn về kinh tế.

* **Sản xuất Công nghiệp- TTCN:** Công nghiệp - TTCN: Sản xuất CN-TTCN tăng trưởng ổn định. Giá trị CN-TTCN đạt 100 tỷ đồng.

*** Thương mại dịch vụ - Xây dựng:**

- Thương mại - dịch vụ: Thu nhập tại các điểm dịch vụ Biển và tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, và các nguồn buôn bán của người dân từ các tỉnh thành khác đạt 113,2 tỷ đồng; các dịch vụ ăn uống và buôn bán nhỏ ngày càng phát triển.

c) Văn hóa

Kết quả xây dựng thôn văn hóa ở 4 thôn và lập thủ tục đề nghị huyện công nhận. Trong đó 3 thôn: Minh Tân Bắc, Đạm Thủy Bắc và Đạm Thủy Nam đề nghị công nhận 5 năm (giai đoạn 2013 - 2017); Thôn Minh Tân Nam đăng ký lại năm 2017; thực hiện bình xét gia đình văn hóa có 1.980 hộ, đạt 94,2%, hộ gia đình văn hóa giữ chuẩn 3 năm 1.756 hộ chiếm tỉ lệ 83,5%, có 25/26 khu dân cư đạt khu dân cư tiêu biểu.

d) Giáo dục

- Xã được công nhận phổ cập Trung học cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo, đã được công nhận Trường Mầm non đạt trường chuẩn Quốc gia.

- Bậc mầm non: Có 42% đạt danh hiệu bé ngoan xuất sắc, 58% đạt danh hiệu bé ngoan. Bậc tiểu học: Có 38,5% học sinh hoàn thành tốt các nội dung học tập. Bậc trung học cơ sở: Kết quả chất lượng 2 mặt giáo dục: Về hạnh kiểm: Tốt 86,6%; Khá 9,2%; Trung bình 3,5%; Yếu 0,7%. Về học lực: Giỏi 19,9%; Khá 40,4; Trung bình 37,6; Yếu 2,1. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 96,6% (57/59 học sinh)

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề chiếm 39%.

e) Y tế

- Trạm y tế xã có 08 cán bộ chuyên môn gồm: 1 bác sĩ, 4 y sĩ, 1 dược sĩ trung học, 01 điều dưỡng đại học, 01 nữ hộ sinh. Công tác y tế luôn hoàn thành tốt các chỉ tiêu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 100%.

2.3. Tóm tắt những rủi ro thiên tai đặc thù nhất của xã

Do vị trí xã nằm sát biển Đông nên thường hay chịu tác động bởi thiên tai như: bão, lũ lụt, lốc xoáy... Mặt khác, hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai chưa được quan tâm đầu tư đúng mức nên thường gặp rủi ro do thiên tai gây ra làm thiệt hại về người, nhà cửa, trường học, hệ thống điện, đường giao thông; thiệt hại hoa màu, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, làm gián đoạn về kinh tế, xã hội.

II-KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH

A-THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Các hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Hoạt động sản xuất, kinh	Diện tích/Quy mô	% hộ tham gia	Thu nhập trung bình (người/năm)
----	--------------------------	------------------	---------------	---------------------------------

	doanh			
1	Sản xuất nông nghiệp - Lúa - Rau màu - Cây công nghiệp	110,82 ha 456,86 ha ha		15 triệu đồng
2	Sản xuất lâm nghiệp	261,82 ha		17 triệu đồng/năm
3	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	119 cơ sở		50 triệu đồng
4	Buôn bán nhỏ và tiểu thương	350		35 triệu đồng
5	Nuôi trồng thủy sản	40 hộ		50 triệu đồng
6	Dịch vụ	100		35 triệu đồng
7	Nghề khác	Khoảng 212 hộ		20 triệu đồng

*** Nhận xét**

- Sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, hoa màu) chiếm 80% tỉ lệ hộ dân trong toàn xã, thu hút cả nam và nữ đều tham gia. Tuy nhiên, kinh tế nông nghiệp phát triển chưa ổn định, giá trị thương mại của nông sản hàng hoá thấp, sản phẩm còn lại sau sử dụng đều là sản phẩm thô, chưa qua chế biến, tiêu thụ tự do trên thị trường qua tư thương, giá cả bấp bênh, tác động bất lợi đối với việc tái đầu tư phát triển sản xuất. Hầu hết, hộ nghèo và cận nghèo trong xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, thiếu đất canh tác và chịu nhiều tác động của thiên tai\BĐKH, đặc biệt là gia đình có người ốm đau kinh niên, phụ nữ là chủ hộ, người già neo đơn... họ có thu nhập thấp hoặc thất thu mà còn phải lo tốn nhiều chi phí nên hơn 70% lương thực làm ra họ phải bán để chi phí.

- Tiểu thương và buôn bán nhỏ chiếm tỷ lệ thấp (11,6%) nhưng dễ tạo thu nhập, và đặc biệt ngành này đa phần là nữ tham gia và phụ nữ cũng là người chịu nhiều áp lực tâm lý sợ hư hỏng hàng hóa, lỗ vốn khi có thiên tai xảy ra.

- Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản phát triển (8,4 %), thu nhập tương đối cao, hầu hết là nam giới tham gia nên khi thiên tai xảy ra nam giới thường phải chịu rủi ro cao; áp lực tâm lý do phải lao động kiếm tiền nuôi sống gia đình; tâm lý lo lắng cho gia đình, vợ con khi có thiên tai xảy ra. Bên cạnh đó, người phụ nữ thường phải chịu tổn thương về tâm lý, tinh thần, đặc biệt là khi nam giới gặp rủi ro khi tham gia đánh bắt trên biển.

2. Hạ tầng cơ sở

TT	Cơ sở hạ tầng	Năm xây dựng/sử dụng	Số lượng/chất lượng
1	Điện dân dụng	Năm 2002 hệ thống điện lưới quốc gia về đến các thôn	<p>Có 10 trạm biến áp do Công ty cổ phần điện lực Mộ Đức quản lý, 5.890m đường dây hạ thế được đưa vào sử dụng có hiệu quả.</p> <p>Tuy nhiên các nhánh rẽ đường dây vào nhà dân còn chằng chịt, một số hệ thống dây đi các nhánh rẽ chưa đủ điện năng cung cấp cho các khu dân cư ở xa dẫn đến còn thiếu điện trong sản xuất và sinh hoạt.</p>
2	Đường giao thông	<p>* Đường xã xây dựng năm 2007, năm 2010, đạt 97,63%</p> <p>* Đường thôn được đầu tư xây dựng từ năm 2006 đến nay.</p> <p>* Đường ngõ xóm:</p> <p>* Đường trục chính nội đồng</p>	<p>Có 01 tuyến, tổng chiều dài 6.325m, đã nhựa hóa 6.175/6.325.</p> <p>Có 18 tuyến, tổng chiều dài 15.899m; đã bê tông hóa 7.942m.</p> <p>Có 30 tuyến, tổng chiều dài 13.130m; đã cứng hóa 22,97%.</p> <p>Có tổng chiều dài 9,9 km, rộng 1-3 m,</p> <p>Là đường đất, chưa được bê tông, cứng hóa, không thuận lợi cho việc vận chuyển vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất.</p>
3	<p>Trường học các cấp</p> <p>- Cấp I</p> <p>- Cấp II</p>	<p>* Trường Tiểu học: có 03 trường.</p> <p>- Trường tiểu học số 1: Có 3 cụm trường, chưa đạt chuẩn quốc gia.</p> <p>+ Cụm chính: Tại thôn Minh Tân Nam.</p> <p>+ Cụm phụ số 1: Tại Minh Tân Bắc</p> <p>+ Cụm phụ số 2: Tại Đạm Thủy Bắc</p> <p>- Trường Trung học cơ</p>	<p>- Nhu cầu cần xây mới 04 phòng chức năng và 08 phòng học tại thôn Minh Tân Bắc và Đạm Thủy để đáp ứng nhu cầu số lượng học sinh tăng lên hằng năm</p> <p>- Nhu cầu cần xây mới 06 phòng chức năng và 08 phòng học, 300 mét tường rào+cổng ngõ tại cụm chính ở thôn Minh Tân Bắc và Đạm Thủy Bắc để đáp ứng nhu cầu số lượng học sinh tăng lên hằng năm</p> <p>- 12 phòng xuống cấp; 1 thư viện; chưa có phòng chức năng, tường rào cổng ngõ và công trình vệ sinh cho học sinh và giáo viên hiện đã xuống cấp, cần được xây mới.</p>

		sở: Chưa đạt chuẩn quốc gia.	
4	Nhà trẻ, Mẫu giáo	- Trường mầm non (mẫu giáo): Đạt chuẩn quốc gia. Toàn xã có 02 điểm trường mẫu giáo với 11 phòng học, 2 nhà ăn; tổng số học sinh 337 cháu.	Đảm bảo chất lượng, đạt chuẩn quốc gia.
5	Trạm y tế	- Trạm y tế xã được đầu tư khang trang (nhà 02 tầng) từ nguồn vốn hỗ trợ của Tập đoàn khí năm 2011 và đạt chuẩn y tế quốc gia từ năm 2012 đến nay.	Trạm y tế xã có 8 cán bộ chuyên môn gồm: 1 bác sĩ, 4 y sĩ, 1 dược sĩ trung học, 1 điều dưỡng đại học, 1 nữ hộ sinh.
6	Công sở Trụ sở UBND xã	* Trụ sở làm việc UBND xã (nhà 02 tầng) được đầu tư xây dựng năm 2006 tại thôn Minh Tân Nam, diện tích đất sử dụng 8000 m ² ; diện tích xây dựng 449 m ² ; gồm: 02 hội trường, 28 phòng làm việc.	Chất lượng công trình tốt.
7	Nhà văn hóa xã	Đã được xây dựng trong khuôn viên UBND xã với diện tích đất sử dụng 3.640 m ² ; diện tích xây dựng 360 m ² (nhà 02 tầng).	Hội trường có 300 chỗ ngồi, nhưng chưa có thiết bị chức năng, nhạc cụ, phục trang chuyên dùng hoạt động văn nghệ, thiết bị thông gió, tủ, giá sách.
8	Nhà Văn hóa thôn	Có 04 nhà văn hóa thôn Minh Tân Bắc, Minh Tân Nam, Đạm Thủy Bắc, Đạm Thủy Nam được xây hoàn thành năm 2015	Được xây dựng kiên cố để làm nơi trú bão cho nhân dân.
9	Chợ	01 chợ chính đóng trên	Được xây dựng ở vị trí cao ráo không bị

		địa bàn thôn Minh Tân Nam	ngập nước. Hàng hóa đa dạng đủ đáp ứng nhu cầu cho người chuẩn bị nhu yếu phẩm trước khi thiên tai xảy ra.
10	Cầu, cống thoát nước	Toàn xã có 08 cầu và 09 cống thoát nước	06 cầu gần niên hạn sử dụng, xuống cấp, chất lượng thoát nước hạn chế; cống ống Lượn nhỏ, lượng nước mưa nhiều, không thoát kịp gây nên tình trạng ngập úng thời gian dài

***Nhận xét:**

- Hệ thống điện: được phủ khắp 100% hộ dân trên địa bàn xã, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với các thiết bị điện, phục vụ hầu hết trong các hoạt động của cuộc sống như: sản xuất, kinh doanh, tiếp cận các loại thông tin, chất lượng cuộc sống; đặc biệt là người phụ nữ thường xuyên tiếp cận với các thiết bị điện thay thế cho lao động chân tay như: nấu cơm, nước, giặt giũ quần áo...

- Hệ thống đường giao thông: Tuyến đường xã và đường thôn, phần lớn đã được cứng hóa, giao thông thuận lợi. Đường xóm phần lớn là đường đất đỏ và đất cát; hệ thống cống thoát nước lâu, xuống cấp, không đáp ứng chất lượng thoát nước nên thường xuyên bị ngập nước và lầy lội trong mùa mưa như: KDC số 1, 2,3, 4, 5, 6, 7 thôn Minh Tân Bắc, KDC số 8, 9, 12 thôn Minh Tân Nam, KDC 14, 16, 17, 18 thôn Đạm Thủy Bắc, KDC 20, 21, 22 thôn Đạm Thủy Nam.

- Các công trình phúc lợi về cơ sở hạ tầng: tất cả các nhóm đối tượng đều được và tiếp cận, hưởng lợi từ các công trình này. Tuy nhiên, đối với nhóm đối tượng là người khuyết tật, người già, người nghèo ít có điều kiện tiếp cận hơn. Các công trình xây dựng chưa quan tâm đến việc sử dụng của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khi thiên tai xảy ra họ di dời đến; thiếu nước sạch, nhà vệ sinh sẽ rất khó khăn cho chị em phụ nữ.

3. Nhà ở

Thôn		An toàn nhà dân			
TT	Thống kê	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ (cần nâng cấp)
1	Thôn Minh Tân Bắc	41	551	52	7
2	Thôn Minh Tân Nam	42	453	40	4
3	Thôn Đạm Thủy Bắc	33	384	33	3
4	Thôn Đạm Thủy Nam	34	392	34	4

		150	1.780	159	18
--	--	-----	-------	-----	----

Hiện trạng nhà dân sinh và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH

Loại Nhà	Tổng số hộ	% nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	% nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Trong đó tổng số hộ/nhà có rủi ro cao và trung bình (3 + 4) thuộc diện(**)		
				Có thể gia cố, cải tạo	Cần phải xây mới	Cần phải di dời (tái định cư)
1	2	3	4	5	6	7
Nhà đơn sơ	18	100			18	
Nhà thiếu kiên cố	159	62,9	37,1	59	100	
Nhà bán kiên cố	1.780	11,69	88,31	1.572		
Nhà kiên cố	150					

Ghi chú: Người dân ở 02 cụm thôn quan niệm nhà thuộc vùng rủi ro cao về nhà ở là những nhà ở của hộ dân ở những vùng dễ bị ảnh hưởng bởi tác động của thiên tai\BĐKH như: nhà ven sông, ven biển (dễ bị hư hỏng do bão, lũ); nhà vùng trũng dễ bị ngập nước vào mùa mưa, lũ.; nhà ở những vùng dễ bị sạt lở như: ven sông, ven suối, sườn đồi...

4. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh		
		Giếng đào	Giếng khoan	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Tự hoại	Tạm	Không có
Mình Tân Bắc	607		607			551	56	
Mình Tân Nam	591		591			523	68	
Đạm Thủy Bắc	442		442			403	39	
Đạm Thủy Nam	487		487			427	60	
Tổng cộng:	2.107		2.107			1.904	203	

5. Y tế (dịch bệnh liên quan đến thiên tai/BĐKH)

Loại dịch bệnh liên quan đến người	Đối tượng (năm 2009)					
	Trẻ em	Phụ nữ	Nam	Người cao tuổi	NKT	Người bị bệnh hiểm nghèo

Sốt rét	0	0	0	0	0	0
Bệnh ngoài da	38	24	18	7		
Viêm đường hô hấp	125	43	75	38	4	
Tay chân miệng	0	0	0	0	0	
...						

6. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
Rừng phòng hộ ven biển	183,25	100% diện tích nằm ở vùng nguy cơ cao khi có bão	
Rừng sản xuất :	261,82		Rừng kinh tế nằm dọc theo rừng phòng hộ và gò đồi

Chất lượng và hiện trạng quản lý sử dụng rừng tại cộng đồng:

Loại rừng	Tổng Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao & trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)
1	2	3	4
Rừng ngập mặn	0		
Rừng trên cát (rừng phòng hộ)	183,25 ha	Cây dương liễu	

Trên địa bàn xã Đức Minh không có rừng ngập mặn. Hiện nay trên địa bàn xã có 445,07 ha đất lâm nghiệp. Trong đó, rừng phòng hộ 183,25 ha, diện tích này do UBND xã quản lý; rừng sản xuất là 261,82 ha, được giao đất giao rừng cho các hộ tự quản lý, trồng, chăm sóc và khai thác. Sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện trong năm là 1.188 m³, đạt 62,53% kế hoạch (KH: 1.900 m³). Năm 2017, xã kiện toàn Ban Chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng cùng với Trung đội dân quân cơ động xã, ký hợp đồng bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng phòng hộ. Hàng năm, Ban Chỉ huy phòng cháy chữa cháy rừng tổ chức ra quân thu gom và xử lý thảm mục tại rừng phòng hộ ven biển với gần 500 người tham gia, khối lượng thảm mục thu gom, xử lý 1.000 m³.

Những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nhiệt độ tăng lên, nắng nóng kéo dài thường xuyên, một bộ phận nhân dân thiếu ý thức trong việc hút thuốc vút bừa bãi, trẻ em đốt tổ ong... dẫn đến cháy rừng phi lao phòng hộ với diện tích thiệt hại hơn 1 ha, tại vị trí lô 13, khoảnh 5, tiểu khu 306.

7. Công tác phòng, chống thiên tai:

Công tác phòng chống thiên tai tại địa phương luôn được Đảng ủy, UBND xã quan tâm chỉ đạo và thường xuyên thực hiện, do đó trong những năm qua công tác ứng phó và chuẩn bị các điều kiện, năng lực để chủ động trong công tác phòng chống thiên tai đạt kết quả và hạn chế đến mức thấp nhất về thiệt hại và các rủi ro xảy ra.

Ban Chỉ huy PCTT đã được thành lập gồm có 21 thành viên và có kiện toàn hàng năm; ngoài ra, xã Đức Minh còn các lực lượng PCTT & TKCHCN như: Dân quân tự vệ (75 thành viên), Đội thanh niên xung kích (11 thành viên, nữ làm Đội phó), Trung đội xung kích (15 thành viên)...Ban Chỉ huy PCTT xã đã xây dựng kế hoạch PCTT và triển khai phương án PCTT hàng năm.

Các thôn thành lập tổ PCTT từ 8-10 người (có nữ tham gia); chính quyền địa phương đã chủ động trong công tác tuyên truyền đến người dân trong xã thông qua hệ thống truyền thanh cũng như trong các hội nghị, các cuộc họp dân; nghiêm túc thực hiện việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác PCTT & TKCN, đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo cấp trên kịp thời theo quy định.

8. Sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong phòng, chống thiên tai:

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm pháp luật về PCTT&TKCN và tích cực tham gia công tác PCTT&TKCN - giảm nhẹ thiên tai.

- UBMTTQVN xã chỉ đạo Ban công tác mặt trận thôn phối hợp trưởng thôn, trưởng các khu dân cư tuyên truyền, vận động nhân dân chủ động phòng chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai; tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ khắc phục hậu quả thiên tai; kiểm tra, giám sát việc phân phối hàng hóa cứu trợ.

- Các Hội đoàn thể (nhất là lực lượng Đoàn TNCSHCM) thường xuyên phối hợp và thực hiện tốt công tác PCTT-TKCN và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Vận động hội viên, đoàn viên tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai; các chi hội, tổ trưởng tham gia trực tiếp vào việc kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại tài sản của nhân dân để làm cơ sở cho việc hỗ trợ chi phí khắc phục, hàng cứu trợ.

- Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Hàng năm, xã đều đánh giá công tác phòng chống thiên tai của năm trước và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phòng chống thiên tai trong năm sát với tình hình thực tế của địa phương; đánh giá chặt chẽ về nguy cơ cũng như năng lực phòng chống thiên tai.

10. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phòng, chống thiên tai:

- Phương tiện, thiết bị:

STT	Lực lượng tại chỗ	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi tập kết, cung ứng	Người quản lý (Họ và tên, chức vụ)	Ghi chú
I	Phương tiện, trang thiết bị đã có					
1	Nhà bạt	Cái	2	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
2	Phao cứu sinh	Cái	82	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Huyện và Hội CTĐ đồ tỉnh cấp
3	Xuồng máy, xuồng chèo	Chiếc	2	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
4	Áo phao	Cái	38	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Huyện và Hội CTĐ đồ tỉnh cấp
5	Mũ bảo hộ lao động	Cái	14	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
6	Áo chữ thập đỏ	Cái	18	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
7	Máy phát điện	Cái	1	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
8	Tấm bạt nhựa	Tấm	2	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
9	Ủng đi mưa	Đôi	20	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
10	Cửa máy nhỏ	Cái	1	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
11	Dây nilông	m	600	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
12	Tấm bạt chống mưa	Tấm	6	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
	Phương tiện, trang thiết bị mua sắm mới					

1	Cuốc, xẻng	Cái	20	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Mua sắm mới
2	Bạt chống mưa	Tấm	10	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Mua sắm mới
3	Bao xi ment	Bao	3000	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Mua sắm mới
4	Áo mưa	Bộ	30	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Mua sắm mới
5	Loa phóng thanh cầm tay (bao gồm pin)	Cái	4	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Mua sắm mới
6	Đèn pin	Cái	20	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Mua sắm mới
7	Xe Chiến Thắng	Chiếc	1	Thuê xe tư nhân ông Trà Xuân Ninh	Ông Trà Xuân Ninh Chủ xe	Hợp đồng với chủ xe
II	Vật tư, vật liệu					
1	Xăng	Lít	20	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hợp đồng đơn vị cung cấp
2	Dầu	Lít	50	Kho cất giữ UBND xã Đức Minh	Nguyễn Minh Tấn, chỉ huy trưởng BCH quân sự xã	Hợp đồng đơn vị cung cấp

- Nhu yếu phẩm

STT	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi tập kết, cung ứng	Người quản lý (Họ và tên, chức vụ)	Ghi chú
1	Tiền	triệu đồng	50	UBND xã Đức Minh	Võ Minh Quang, chủ tịch UBND xã; Trần Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Kinh phí xây dựng hàng năm
2	Gạo	Kg	1000	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Trần Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp
3	Mì tôm	Thùng	200	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Trần Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp
4	Nước uống (thùng 24 chai)	Thùng	200	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Trần Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp
5	Nước uống (bình 21 lít)	Bình	100	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Trần Thị Mỹ Lệ - kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp

Trang thiết bị, phương tiện phòng chống thiên tai được tập kết tại kho lưu của UBND xã, nhu yếu phẩm được BCH PCTT xã ký hợp đồng lưu kho tại nhà buôn; khi có thông tin về thiên tai, Ban Chỉ huy chỉ huy cho cán bộ phụ trách phân bổ phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết về các địa bàn thôn, đặc biệt các vùng xung yếu, trọng điểm cần thiết chuẩn bị ứng phó với thiên tai.

11. Công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè, âu thuyền, biển báo...):

Trên địa bàn xã chưa có công trình phòng chống thiên tai như: Nhà trú ẩn đa năng, xe đưa đón vận chuyển người và tài sản đến nơi an toàn.... . BCH PCTT xã đã trưng dụng các công trình công cộng như: Trụ sở UBND xã, trạm Y tế, đồn Biên Phòng, trường học, nhà kiên cố của các hộ dân trên địa bàn làm nơi trú ẩn an toàn cho nhân dân khi có lệnh di dời, sơ tán để tránh bão.

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI/BĐKH, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TÔN THƯƠNG, NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ NHẬN THỨC VỀ RRTT CỦA NGƯỜI DÂN

1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương



Nhận xét chung:

Đức Minh nằm ở vùng sát biển Đông nên thường ảnh hưởng bởi thiên tai bão, lũ. Bên cạnh đó, do tác động của biến đổi khí hậu, tình hình thiên tai ngày càng diễn biến phức tạp khó lường: bão xuất hiện ngày càng nhiều, cấp độ gió lớn, thời gian kéo dài thường xảy ra vào những tháng cuối năm, dịch chuyển dần về phía Nam; lượng mưa tăng lên gây ngập lụt nặng...; cụ thể: các khu dân cư số 5, số 7 thôn Minh Tân Bắc; Khu dân cư số 10, 12 thôn Minh Tân Nam; Khu dân cư số 17, 18 và 19 thôn Đạm Thủy Bắc; Khu dân cư số 21, 22, 23, 24 và 25 thôn Đạm Thủy Nam thường xuyên ngập nước trong mùa mưa, đời sống nhân dân bị ảnh hưởng, giao thông bị ách tắc, khó khăn trong sinh hoạt, vật dụng gia đình bị hư hỏng, sức khỏe người dân bị ảnh hưởng; đặc biệt là phụ nữ, thường dễ bị cảm sốt, viêm da do tiếp xúc với nước bẩn; phần lớn diện tích đất canh tác bị ngập úng hoàn toàn, gây thiệt lớn về cây lúa và cây hoa màu.

* **Lụt:** Thường xảy ra từ tháng 9-12, xuất hiện nhiều tháng 10, 11, những năm gần đây lũ, lụt xuất hiện nhiều hơn, nước lên rất nhanh nhưng nước xuống lại chậm, thường xuất hiện bất ngờ; thời gian xảy ra lũ lụt đến muộn hơn. Điển hình trận lụt ngày 6/11/2017 mưa lớn kéo dài nước dâng lên đột ngột, gây ngập 2/3 diện tích trên địa bàn toàn xã, mực nước lên cao từ 1-2 mét; làm bị thương nặng 03 người (02 phụ nữ, thuộc diện hộ nghèo); làm tốc mái 03 ngôi nhà, 01 nhà bị sập hoàn toàn; số nhà bị ngập 2/3 số hộ trên địa bàn toàn xã chủ yếu là Khu dân cư số 21, 22 thôn Đạm Thủy Nam. 100% diện tích lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy sản bị chìm sâu trong nước; tài sản người dân, các cơ quan đều bị thiệt hại. Hệ thống giao thông bị chia cắt hoàn toàn; 30% gia súc gia cầm bị chết; dịch bệnh xảy ra; ô nhiễm môi trường...

Nguyên nhân là đường trục lộ Bồ Đề - Đức Lợi - Mỹ Á một số đoạn không đạt hệ thống công thoát nước thích hợp; Các khu dân cư vùng trũng chưa có hệ thống mương thoát nước, chuồng trại tạm bợ, thanh niên đi làm ăn xa, thiếu nhân lực; lực lượng ở nhà chủ yếu là phụ nữ lớn tuổi và trẻ em, họ thiếu kiến thức, kinh nghiệm trong công tác phòng chống thiên tai; hệ thống loa truyền thanh hư hỏng chưa phủ khắp, nội dung tuyên truyền hạn chế....

Trước tình hình trên, chính quyền, địa phương đã tìm ra một số giải pháp nhằm ứng phó với lũ, lụt như: Tiếp tục di dời những hộ có nguy cơ rủi ro cao vào nơi sơ tán an toàn, vận động vật tư, sửa chữa, xây mới lại nhà ở; sửa chữa chuồng chăn nuôi, các hồ ao nuôi trồng thủy sản, vận động hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước sạch; thu gom rác, xác động vật, xử lý môi trường sau lụt, tăng cường công tác khám chữa bệnh cho người dân sau thiên tai.

* **Bão:** Gió mạnh cấp 10,11 có thể ảnh hưởng đến địa bàn. Nhận định, khả năng tương lai có thể có gió bão mạnh hơn (đến cấp 15, 16); kèm theo mưa lớn, nước dâng cao kéo dài, xu hướng ngày càng mạnh khó dự báo, không dự đoán được đường đi, không theo quy luật. Tháng 9 năm 2009, nhà hư hỏng nặng: 32 cái; tốc mái, hư hỏng

nặng: 220 ngôi nhà, vật dụng tài sản các hộ gia đình có nhà bị sập, tóc mái hư hỏng khoảng 60%, 0,5 ha rừng phòng hộ bị ngã đổ, 90% vụ lúa Đông bị thiệt hại, 20% cây keo lai bị ngã đổ, 3000 con gia súc gia cầm bị chết, 5 ha diện tích hồ tôm bị hư hại, 4 dịch vụ kinh doanh bị tốc mái, hư hại; thuyền, thúng của ngư dân bị hư hỏng; giao thông chia cắt hoàn toàn, tình trạng dịch bệnh, thiếu nước sinh hoạt, ô nhiễm môi trường đã xảy ra.

Nguyên nhân là do nhà tạm bợ, 80% nhà lợp mái tôn, diện tích đất trồng lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy sản nằm trong vùng trũng, thấp; người dân nhận thức về rủi ro thiên tai còn hạn chế, các phương tiện tuyên truyền, các thông tin tuyên truyền chưa đến được với người dân. Người dân chủ quan, không lập kế hoạch PCTT hộ gia đình, chưa phân công cụ thể công việc của từng thành viên trong gia đình, đặc biệt vai trò của phụ chưa phát huy, thiếu kinh nghiệm trong phòng tránh, chưa chủ động gia cố chằng chống nhà cửa, chưa chủ động di dời, sơ tán tài sản, gia súc, gia cầm...

Trước tình hình trên, chính quyền, địa phương đã chỉ đạo lực lượng xung kích, Ban chỉ huy PCTT-TKCN xã ứng phó với bão như bố trí người đi sơ tán khi xảy ra bão; chuẩn bị lương thực, thực phẩm; tổ chức cứu hộ, cứu nạn, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, hỗ trợ vật tư cho các hộ bị thiệt hại. Khắc phục hậu quả thiên tai; giúp các hộ dân bị thiệt hại sửa chữa lại nhà cửa, sớm ổn định lại cuộc sống; củng cố hệ thống loa Đài truyền thanh và đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về phòng chống thiên tai.

* **Lốc xoáy:** Gió giật mạnh, xu hướng ngày càng tăng; xảy ra hàng năm không theo quy luật. Trận lốc xoáy tháng 11 năm 2016 làm tốc mái 21 nhà; tốc mái trường mầm non, hoa màu ngã đổ.

Nguyên nhân là do lốc xảy ra bất ngờ, không dự báo, cảnh báo được, thiếu các phương tiện cứu hộ, người dân thiếu thông tin thời tiết và chưa có kinh nghiệm ứng phó, còn chủ quan với những cơn lốc xoáy.

Trước tình hình trên, chính quyền, địa phương đã tìm ra một số cách ứng phó khi lốc xoáy xảy ra như: giúp đỡ nhau khắc phục hậu quả, sửa chữa lại nhà cửa, thăm hỏi, động viên các hộ gia đình thiệt hại về tài sản vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống; các đoàn thể như MTTQ, Hội phụ nữ động viên chị em phụ nữ sớm ổn định tâm lý, tinh thần sau sự cố mất mát, thiệt hại do lốc xoáy.

Lịch sử thiên tai (Bảng 2.1)

Năm... (tháng)	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng của thiên tai	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại, mức độ thiệt hại (ATCĐ;SXKD;VSM T)	Tại sao bị thiệt hại? (VC;TC/XH;NT,KN,T ĐC)	Đã làm gì để PCTT (người dân, Nam nữ, chính quyền)
11/2016	Bão	<p>Gió mạnh kèm mưa lớn kéo dài, nước dâng cao, ngập úng</p> <p>-Diễn ra khó dự báo, không theo quy luật</p>	Toàn xã	<p>* ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 ngôi nhà bị sập hoàn toàn, 12 căn bị tốc mái - 55% đường giao thông nông thôn bị ngập. <p>*SXKD</p> <ul style="list-style-type: none"> -10 héct ta lúa vụ đông bị ngập hoàn toàn - 86 héct ta diện tích hoa màu, rau màu bị ngập úng, hư hỏng nặng. - Trên 4,5 héct ta ruộng bị vùi lấp hư hỏng - 07 hồ tôm bị vỡ, làm tôm trôi dạt ra biển và chết nhiều - 1315 con gia súc, gia cầm bị chết - 05 chiếc ghe bị hư hỏng nặng <p>*SK, VSMT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh xảy ra 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuống cấp, một số nhà chưa kiên cố. . - Diện tích đất trồng lúa, hoa màu nằm trong vùng trũng thấp, chưa có hệ thống kênh mương. - Một số tuyến đường giao thông nông thôn chưa kiên cố hoặc chưa cứng hóa. - Một số hồ chưa kiên cố hóa - Ghe thuyền nhỏ, thiếu trang bị. <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ quan trong việc chằng chống nhà cửa; - Chưa đợc gia có chằng chống; - Người dân còn chủ quan trong việc chèn chống, di dời tài sản trước khi thiên tai đến. - Gió xoáy, nước ngập trong thời gian dài, quá 	<ul style="list-style-type: none"> -Đưa người đi sơ tán - Chuẩn bị lương thực, thực phẩm -Tổ chức cứu hộ cứu nạn - Các tổ chức đến cứu trợ, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường - Hỗ trợ vật tư cho các hộ bị thiệt hại, hướng dẫn các hộ dân bơm nước chống úng - Hướng dẫn hộ dân đào ao đúng lộ trình , đê bao kiên cố. - Cũng cố hệ thống loa đài truyền thanh. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về PCTT.

				<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước sinh hoạt - Ô nhiễm môi trường 	<p>khả năng ứng phó của người dân;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuông trại không đảm bảo, người dân chưa di dời gia súc, gia cầm đến nơi cao ráo an toàn <p>Vấn đề giới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong gia đình: Không phân công rõ ràng, nam thực hiện nhiệm vụ gì, nữ thực hiện nhiệm vụ gì trong PCTT; - Số người trong độ tuổi lao động làm ăn xa chiếm khoảng 60%; - Ảnh hưởng trực tiếp đến công tác PCTT như: Khi nam giới vắng nhà chị em gặp lúng túng; - Đa số chị em phụ nữ không được tham gia các cuộc hội nghị triển khai công tác PCTT, tập huấn nên khi chuẩn bị phương châm tại chỗ thường hay lúng túng. <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền còn hạn chế, hệ thống đài truyền thanh hư hỏng do bão gây ra; - Chính quyền địa phương thiếu kiểm tra đôn đốc, các lực lượng phòng chống thiên tai chưa thực hiện nhiệm vụ PCTT; - Mất điện các phương 	
--	--	--	--	--	--	--

					tiện liên lạc không sử dụng được.	
10/ 2016	Lụt	<p>-Không khí lạnh tăng cường gây ra mưa vừa đến mưa to trên địa bàn.</p> <p>-Lượng mưa đo được từ 300 đến 350m gây ngập cục bộ.</p>	Toàn xã	<p>*ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 ngôi Nhà ở tạm bị sập, 530 cái bị ngập nước. - Cả 3 điểm trường Tiểu học và 2 điểm trường Mầm non trên địa bàn xã bị ngập nước. - Những tuyến đường giao thông xã, thôn đều bị sạt lở nghiêm trọng. <p>*SXXD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 136,5 ha lúa vụ Đông trên địa bàn thiệt hại hoàn toàn. - 168,80 ha diện tích hoa màu, rau màu bị ngập úng. - 5,4 ha diện tích ruộng bị vùi lấp, hư hỏng. - 85 ha diện tích vùng dân cư bị ngập sâu. - 605 con Gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi. 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà xuống cấp, chưa che chắn kiên cố, thanh niên làm ăn xa nên thiếu nhân lực chăm chống. - Trường nằm trong vùng trũng, chưa có hệ thống thoát nước - Diện tích đất canh tác hoa màu nằm trong vùng trũng. - Chưa bê tông hóa các tuyến đường nông thôn <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu các phương tiện tuyên truyền; - Thiếu thông tin thời tiết ; - Sự vào cuộc đơn đốc kiểm tra chưa quyết liệt - Chưa có kế hoạch thu hoạch sớm trước thiên tai. <p>*NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do chưa có kinh nghiệm công tác phòng chống thiên tai; - Chuồng trại tạm bợ, không sơ tán gia súc, 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền tổ chức thăm hỏi các gia đình bị thiệt hại về nhà ở để động viên kịp thời. - Vận động mạnh thường quân hỗ trợ lương thực cho người dân. - Chỉ đạo phân công thành viên PCTT tìm kiếm cứu nạn, lực lượng dân quân giúp dân di chuyển đồ đạc đến nơi an toàn. - Vận động vật tư, sửa chữa, cất mới lại nhà, chuồng chăn nuôi. - Xử lý môi trường ở KDC các khu vực ven biển, đào hố chôn xác súc vật để ngăn ngừa dịch bệnh. - Sửa chữa kênh mương hư hỏng.

				<p>*SK, VSMT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh xảy ra, có 126 hộ dân thiếu nước sạch sử dụng. - Ô nhiễm môi trường. 	<p>gia cầm đến nơi an toàn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác súc vật chết nhiều, rác thải trôi nổi khắp nơi. - Nhà chưa được chằng chống kịp thời; <p>*Vấn đề về giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi thiên tai xảy ra nữ bị ảnh hưởng tới sức khỏe nhiều hơn do không có nơi vệ sinh - Công việc dọn dẹp sau thiên tai chủ yếu là nữ. 	
11/2016	Lốc xoáy	Gió giật mạnh, xảy ra bất ngờ không dự báo được	Thôn Đạm Thủy Bắc	<p>*ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 05 ngôi nhà bị tốc mái hoàn toàn - Sập hoàn toàn mái che bằng trụ ống thép, dàn lưới ở khu vườn cỏ tích của trường Mầm Non - Cổng sắt khu thể chất bị gãy, dàn la phông, kính nhà bộ bị vỡ nát hoàn toàn. 	<p>*VC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà chưa được chèn chống kịp thời - Mái che chưa được chằng chống kiên cố - Thiếu thông tin về thiên tai; 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân xung quanh giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục hậu quả sửa chữa sau thiên tai - Chính quyền hỗ trợ kinh phí cho trường sửa chữa lại.
8/2016	Sấm sét	Xảy ra trước khi xuất hiện những trận mưa dông, kèm sấm	Thôn Minh Tân Bắc, Thôn Minh Tân Nam	<p>*ATCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 cái tivi bị cháy; - 05 dàn máy tính bị cháy; - Hệ thống điện của thôn bị chập cháy; <p>* SXKD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 21 con heo chị chết 	<p>Do thời gian sấm sét xảy ra nhanh, bất ngờ người dân chưa xử lý kịp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền người dân không tránh núp dưới cây cao to - Tắt hệ thống điện, nguồn điện thoại. - Tránh các vật

		chóp		cháy; - 30 gia súc gia cầm bị chết.		dụng bằng sắt.
11/2013	Lụt	Mưa lớn ngập trên diện rộng kèm theo gió lớn	Toàn xã	<p>* ATCD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 người bị chết; - 170 nhà bị ngập nước; - 40% đường giao thông bị ngập. <p>* SXKD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70 ha hoà màu bị ngập úng hoàn toàn; - 6 hồ tôm bị ngập làm vỡ kè, tôm trôi dạt ra biển; - 12 chiếc ghe bị trôi dạt; - 1500 con gia súc, gia cầm chết. <p>* SK, VSMT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh xảy ra: tiêu chảy, sốt xuất huyết... 	<p>* VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà chưa được kiên cố; - Diện tích hoa màu chủ yếu nằm trong vùng trũng thấp; - Đường chưa được kiên cố hoá; - Bờ kè hồ tôm chưa được bê tông hoá. <p>* NTKN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do lượng nước quá lớn người dân chủ quan - Chuồng trại chưa được đảm bảo, người dân chưa kịp di dời - Gia súc gia cầm chết trôi dạt gây ô nhiễm môi trường; - Đa số các hộ gia đình chưa phân công các công tác PCTT rõ ràng, người dân chưa được tham gia tập huấn triển khai các công tác PCTT. <p>* TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng chịu trách nhiệm về sơ tán di dời chưa quan tâm đúng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ người dân chằng chống nhà cửa; - Đưa người bị nạn sơ tán đến nơi an toàn; - Hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho người dân trong vùng ngập trũng; - Ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường.

					mức. - Địa bàn rộng, giao thông chia cắt.	
10/2009	Bão lớn	Gió giật mạnh, cấp 12 di chuyển hướng Tây Bắc kéo dài, kèm theo mưa lớn.	Toàn xã	<p>* ATCD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 32 nhà bị tốc mái,. - 30% cây cột điện bị ngã đổ cô lập; - 20% đường giao thông nông thôn bị ngập và sạt lở; - Các Trường học bị tốc mái, bị ngập và hư hỏng. <p>* SXKD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0,5 ha rừng phòng hộ bị ngã đổ. - 90% vụ lúa Đông bị thiệt hại; - 20% cây keo lai bị ngã đổ; - 60% hàng hóa bị ngập nước gây hư hỏng; - 3000 con gia súc gia cầm bị chết; - 5 ha diện tích hồ tôm bị hư hại; - 4 dịch vụ kinh doanh bị tốc mái, hư hại; <p>* SK,VSMT</p>	<p>* VC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa tạm bợ, thiếu kiên cố. Người dân bất ngờ không kịp chằng néo nhà cửa; - Trụ điện chưa kiên cố. - Diện tích lúa và hoa màu nằm vùng trũng thấp. <p>* NTKN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do sức gió quá mạnh người dân còn chủ quan trong việc di dời - Chuồng trại chưa kiên cố, chưa kịp di dời đến nơi an toàn. - Thành giếng thấp, chưa kịp bịt miệng giếng. - Diện tích nuôi trồng thủy sản chủ yếu dọc theo bãi biển; - Hồ nuôi trồng thủy, hải sản chưa được kiên cố; - Chủ quan không di dời hàng hóa đến nơi an toàn, cao ráo; <p>* TCXH</p>	<p>Người dân xung quanh giúp đỡ nhau khắc phục hậu quả, sửa chữa lại nhà;</p> <ul style="list-style-type: none"> - UBND xã phối hợp với các đoàn thể vận động tiền hỗ trợ những gia đình bị thiệt hại về tài sản. - Các đoàn thể hướng dẫn hộ dân có nhu cầu vay vốn để làm công trình nước sạch cũng như nhà tiêu hợp vệ sinh.

				<ul style="list-style-type: none"> - 100% giếng đào bị ngập nước; - Ô nhiễm môi trường, có dịch tả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu thông tin thời tiết; còn chủ quan; - Bão lớn bất ngờ, dự đoán sai; - Xác động vật chết, rác thải tồn đọng chưa xử lý kịp, hộ chăn nuôi chưa làm hầm Bioga, hộ dân chưa có công trình vệ sinh. 	
				<p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% vật tư, thiết bị dụng cụ, hàng hóa bị ngập nước gây hư hỏng; - 100% hoa màu bị thiệt hại - 15 ha rừng phi lao chắn gió bị ngã đổ - 70% gia súc, gia cầm bị chết; - 100% hồ nuôi trồng thủy hải sản bị sạt lở, mất trắng (4ha hồ tôm) 	<p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ quan không di dời hàng hóa đến nơi an toàn, cao ráo - Bão lớn bất ngờ, dự đoán sai - Hoa màu chưa đến kỳ thu hoạch - Nước dâng cao, gió lớn, thời gian xảy ra kéo dài - Chuồng trại nằm trong vùng trũng, vùng; xây dựng không đảm bảo; - Diện tích nuôi trồng thủy sản chủ yếu dọc theo bãi biển; - Hồ nuôi trồng thủy, hải sản chưa được kiên cố; - Kỹ thuật nuôi trồng chưa đảm bảo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ khẩn cấp, hỗ trợ phục hồi tái thiết. - Chính quyền địa phương hỗ trợ giống, phân bón - Hỗ trợ vay vốn để tái sản xuất. - Người dân cải tạo lại ao hồ, đất... để vào vụ mới
				<p>SK, VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh môi trường bị ô nhiễm nặng, 	<p>SK, VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác súc vật chết, rác, bùn trôi tấp vào khu dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Ra quân dọn vệ sinh, xử lý nguồn

				dịch bệnh xảy ra	cur	nước. - Khám bệnh, cấp thuốc cho hộ nghèo. - Tuyên truyền sử dụng nước hợp vệ sinh
--	--	--	--	------------------	-----	--

2) Thông tin đánh giá về TTDBTT

2.1. Bảng tóm tắt các TTDBTT

Lĩnh vực	Khía cạnh	Tình trạng dễ bị tổn thương
An toàn cộng đồng	Cơ sở vật chất	- Nhà ở bán kiên cố: 1.780 - Nhà thiếu kiên cố: 159, đơn sơ 18 có nguy cơ cao khi bão xảy ra; - 174 nhà vùng thuộc các khu dân cư 05, 12, 21, 24, và 25 cần phải sơ tán trước khi thiên tai xảy ra. * Rừng phòng hộ nằm dọc ven biển dễ ngã đổ do bão, và nơi có nhiều người đến nên dễ bị cháy do ý thức của người dân
		- Hệ thống điện Các nhánh rẽ đường dây vào nhà dân ở khu dân cư xa hệ thống điện và đến các nơi sản xuất hoa màu và nuôi tôm còn chằng chịt, các trụ điện làm bằng tre, gỗ lâu ngày bị mục chưa đảm bảo an toàn.
		- Đường giao thông + 680m đường thôn, khu dân cư xuống cấp, hư hỏng nặng + 2.957m đường giao thông nông thôn chưa được cứng hóa dễ bị sạt lở, ách tắc giao thông. + 10.115m đường xóm ngõ chưa được bê tông hóa. + 9.900m đường trục chính nội đồng là đường đất.
		- Trường học + Điểm Trường tiểu học 02 thôn Đạm Thủy xây dựng lâu, xuống cấp, nằm vùng thấp dễ bị ngập nước về mùa mưa; + Điểm trường tiểu học thôn Minh Tân Bắc (nằm vùng trũng), Minh Tân Nam mái lợp xây dựng đã lâu thiếu kiên cố.
		- Trạm Y tế: + Trạm nằm trong vùng thấp; sân trạm dễ bị ngập nước trong mùa mưa. + Cơ sở thuốc còn hạn chế, trang thiết bị vật tư y tế còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh so với tình hình hiện nay.
		- Hệ thống cảnh báo sớm: + 04 cụm loa bị hư hỏng không sử dụng được; + Không có biển báo, cột báo lũ tại khu vực nguy hiểm; + 5% hộ dân không sử dụng phương tiện nghe nhìn;

		<ul style="list-style-type: none"> + 4% hộ dân chưa sử dụng điện thoại; + 60% hộ dân chưa tiếp cận dịch vụ Internet;
		<p>- Phương tiện tại chỗ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% ngư dân tham gia đánh bắt hải sản không trang bị áo phao.
	Tổ chức xã hội	<p>*Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ nữ tham gia Ban Chỉ huy PCTT thấp (05 người); - Phần lớn các thành viên của BCH PCTT chưa được tập huấn về kiến thức PCTT. Một số thành viên chưa quan tâm đúng mức. - Phần lớn thành viên đội TNXX chưa được tập huấn trang bị kiến thức PCTT, cứu hộ, cứu nạn, chưa được tham gia diễn tập. - Lực lượng PCTT ở các thôn chưa có chế độ; phương tiện cứu hộ không được trang bị. - Các thành viên của các lực lượng CH-CN thường xuyên thay đổi vì chuyên công tác. - Công tác truyền thông kiến thức PCTT còn hạn chế, chỉ tuyên truyền khi có thông báo diễn biến của thiên tai; - Việc triển khai phương án PCTT còn gặp nhiều khó khăn; - Việc đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, giám sát về PCTT chưa được thực hiện thường xuyên; - Nội dung tuyên truyền chưa đầy đủ, chưa thường xuyên. - Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác PCTT còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu. - Công tác Thi đua – Khen thưởng các cá nhân, đơn vị có thành tích về PCTT không được thực hiện; - Chưa triển khai rộng rãi Luật PCTT đến cán bộ và nhân dân.
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	<ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân còn thiếu kiến thức PCTT (phần lớn là phụ nữ) - 30% người dân chủ quan, thiếu kinh nghiệm PCTT; - Tỷ lệ nữ tham gia vào công tác PCTT thấp, thiếu kinh nghiệm; - 70% người dân không biết bơi, phần lớn là phụ nữ và trẻ em; - 95% hộ dân không biết dự trữ thuốc men trước khi thiên tai xảy ra.
Sản xuất kinh doanh	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> + 80% diện tích trồng lúa, hoa màu, dưa nằm trong vùng trũng, vùng có nguy cơ ngập nước; + Hầu hết hệ thống mương tưới chưa được kiên cố hóa; chủ yếu sản xuất dựa vào nước trời; + Các ao, hồ nuôi tôm, cua chưa được kiên cố hóa, còn thô sơ chưa đảm bảo kỹ thuật. + Có một số ghe, xuồng công suất nhỏ, đánh bắt gần bờ, thiếu trang thiết bị khi bão lớn. Trang thiết bị PCTT trên thuyền còn thô sơ, chưa đảm bảo, thiết bị cảnh báo sớm (bộ đàm) chưa có. + Hầu hết chuồng trại xây dựng thô sơ, không kiên cố. + 50% chuồng trại nằm ở vùng trũng, vùng thấp. + Cơ sở tiểu thủ Công nghiệp còn đơn sơ, chưa được xây dựng quy mô hiện đại.
	Tổ chức xã hội	<ul style="list-style-type: none"> + Tập huấn Kỹ thuật trồng trọt chưa đầy đủ; + Nguồn vốn vay còn hạn chế, lãi suất cao.

		<ul style="list-style-type: none"> + Chưa tổ chức tập huấn áp dụng KHKT vào chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho người dân. + Chưa có biện pháp bao tiêu sản phẩm. + Chưa tổ chức tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho các thuyền viên và ngư dân tham gia trên biển. + Chưa có cơ sở cung cấp giống, thức ăn đảm bảo. + Chủ yếu là tự phát hộ gia đình, chưa có quy hoạch tập trung, chủ yếu tận dụng những nguyên liệu được sản xuất và đáp ứng nhu cầu tại địa phương.
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân ít áp dụng KHKT vào trồng trọt mà chủ yếu dựa vào lối sản xuất cũ. - Chưa có ý thức đầy đủ về chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi thích ứng với BĐKH; - Hầu hết người dân chưa biết cách sử dụng đúng các loại thuốc bảo vệ thực vật. - Chưa áp dụng KHKT vào nuôi trồng thủy sản. - Một số ít ngư dân vẫn còn chủ quan, thiếu kiến thức PCTT, không thực hiện đúng lệnh trú bão. - Còn một số người dân chủ quan hoặc ngại khó không di dời gia súc, gia cầm đến nơi an toàn. - Ít tham gia các lớp tập huấn áp dụng KHKT vào chăn nuôi.
Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Khu dân cư số 05, thôn Minh Tân Bắc, KDC 12 thôn Minh Tân Nam và KDC 21 thôn Đạm Thủy Nam sử dụng giếng đóng, giếng đào; 20% số giếng bị nhiễm phèn. - 60% người dân chăn nuôi chưa xây dựng hầm Biogas - Dụng cụ khám chữa bệnh của trạm y tế còn thiếu. - Còn 20% hộ dân chưa có nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh. - 40% hộ dân xe thu gom rác thải không vào được.
	Tổ chức xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa thực hiện chế tài xử lý vi phạm vệ sinh môi trường. - Nội dung tuyên truyền về vệ sinh môi trường và CSSK còn chung chung, thiếu nội dung, chưa cụ thể hóa.
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn, người dân chưa quan tâm nhiều đến kiểm tra sức khỏe định kỳ mà chỉ kiểm tra sức khỏe khi thấy có vấn đề bất thường. - Người dân ít đi tham gia dọn vệ sinh phát quang đường làng ngõ xóm khi địa phương tổ chức.

*** Nhận xét đặc điểm dễ bị tổn thương**

Đức Minh tuy tương đối bằng phẳng nhưng lại nằm ở vùng trũng, giáp biển đông; xã có tỷ lệ hộ nghèo 13,15%, cận nghèo 12,15%; nhà thiếu kiên cố: 18, nhà bán kiên cố 159 nhà; trên 60% diện tích trồng lúa, hoa màu nằm ở vùng trũng, thấp; các công trình về

PCTT/TU'ĐKH như nhà tránh trú đa năng không có, trụ sở UBND Xã, Trường học, Trạm y tế chưa đáp ứng được việc bố trí cho người dân mỗi khi cần phải di dời đến. Hệ thống thông tin, liên lạc, cảnh báo sớm xuống cấp, hư hỏng, 20% số hộ dân không được tiếp cận được các thông tin cảnh báo sớm, các thông tin thông báo về diễn biến thiên tai chủ yếu là trực tiếp, các phương tiện phục vụ cứu hộ cứu nạn hư hỏng nhiều; Phương án PCTT, TKCHCN, phương án sơ tán hàng năm có xây dựng nhưng người không được biết về phương án này.

- **Nông nghiệp:** 60% hoa màu nằm ở vùng trũng có nguy cơ ngập lụt cao; Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, hệ thống tưới tiêu không đảm bảo; việc áp dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, chủ yếu là trồng các loại cây nông nghiệp truyền thống. 80% chuồng trại nằm ở vùng nguy cơ bị ngập nước, chuồng trại không kiên cố, kiến thức về chăn nuôi hạn chế... dễ bị thiệt hại khi thiên tai xảy ra.

- **Lâm nghiệp:** 183,25 ha rừng phòng hộ và 261,82 ha rừng sản xuất nằm ven biển nên nguy cơ thiệt hại do bão; đặc biệt do ảnh hưởng biến đổi khí hậu, nhiệt độ tăng lên, khô hạn kéo dài dễ dẫn đến nguy cơ cháy rừng.

- **Thương mại, dịch vụ:** chủ yếu là buôn bán nhỏ phần lớn là do người phụ nữ đảm nhiệm, khi nước lũ lên nhanh hàng hóa có nguy cơ bị ướt, trôi, hư hỏng rất cao., phụ nữ chịu áp lực tâm kê cất đồng đặc, hàng hóa, khắc phục hậu quả sau thiên tai, tâm lý áp lực bị lỗ vốn.

- **Đánh bắt, nuôi trồng thủy sản:** Có 212 phương tiện đánh bắt nhỏ, 100% nam giới tham gia, chủ yếu là đánh bắt gần bờ, không có phương tiện thông tin liên lạc, cảnh báo sớm; không trang bị áo phao; lực lượng lao động này thiếu kiến thức cứu hộ cứu nạn, PCTT/Thích ứng với BĐKH;

- **Giao thông:** Phần lớn hệ thống giao thông thường bị ngập khi có lũ lụt, đường giao thông liên thôn còn nhiều đoạn chưa được kiên cố, nhiều đoạn đã xuống cấp việc đi lại của nhân dân gặp nhiều khó khăn đặc biệt khi thiên tai xảy ra.

- **Môi trường:** Những hộ dân nằm ở vùng thấp thường bị ngập nước, thời gian nước rút chậm gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước.

- **Du lịch, dịch vụ:** Chưa có doanh nghiệp đầu tư khu du lịch mà người dân tự phát, nhỏ lẻ, hàng quán tạm bợ, chưa thu hút được khách du lịch, chưa khai thác được lợi thế của địa phương;

- **Giáo dục:** Đa số các hộ gia đình có người trong độ tuổi lao động đi làm ăn xa, con cái hầu như để lại ông, bà, hoặc bố hoặc mẹ chăm sóc, các em thiếu đi sự chăm sóc của bố, mẹ ít nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng học tập của các em, một số em học đến lớp 9 nghỉ học đi tìm kiếm việc làm.

- **Y tế:** 100% người dân được cấp thẻ bảo hiểm y tế, tuy nhiên người dân chưa quan tâm đến sức khỏe, chưa đi thăm khám sức khỏe định kỳ hàng năm mà chỉ khám sức khỏe khi

thấy có vấn đề bất thường. Địa bàn rộng, lực lượng y tế mỏng, xử lý vệ sinh môi trường không kịp thời. Sau thiên tai một số bệnh phát sinh như: Ngoài da, bệnh sốt vi rút, tiêu chảy... Việc tuyên truyền kiến thức về sức khỏe vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên. Phụ nữ chưa chủ động khám phụ khoa định kỳ mà chỉ khám khi thấy bất thường.

Nhận thức về rủi ro thiên tai và kỹ năng thích ứng với BĐKH của người dân còn hạn chế, chủ quan, trông chờ sự hỗ trợ của nhà nước; đặc biệt là ngư dân tham gia đánh bắt hải sản trên biển, không có trang bị áo phao nên nguy cơ thiệt hại tính mạng, hệ lụy để lại là những người phụ nữ luôn bị ảnh hưởng tâm lý lo lắng, đau buồn.

2.2. Tình trạng dễ bị tổn thương của xã về cơ sở vật chất đối với an toàn cộng đồng

Đường giao thông, đê, cầu, cống			
TT	Tên công trình, địa điểm	Mô tả (đường đất, bê tông, nhựa, v.v.v)	Tình trạng rủi ro
1	Đường trục xã	Bê tông, nhựa	Đoạn thấp trũng tại điểm cầu Bầu Húc KDC 12; điểm giáp KDC 16 và 20; điểm giữa KDC 21 và 23 Đạm Thủy Nam
2	Đường trục thôn	+ 680m đường thôn, khu dân cư xuống cấp, hư hỏng nặng + 2.957m đường giao thông nông thôn chưa được cứng hóa dễ bị sạt lở, ách tắc giao thông. + 10.115m đường xóm ngõ chưa được bê tông hóa. + 9.900m đường trục chính nội đồng là đường đất.	Đang xuống cấp dễ bị lầy lội vào mùa mưa bão
3	Cầu, cống	10 cầu, 09 cống Bê tông cốt thép	06 cầu xuống cấp, 02 cống thuộc tuyến đường kinh tế mới nhà ông Huỳnh Lái đến biển Đạm Thủy Bắc gần hết niên hạn sử dụng.

An toàn nhà dân

TT	Thôn	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ (cần nâng cấp)
1	Thôn Minh Tân Bắc	551	52	7
2	Thôn Minh Tân Nam	453	40	4

3	Thôn Đạm Thủy Bắc	384	33	3
4	Thôn Đạm Thủy Nam	392	34	4
Tổng cộng		1.780	159	18

3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

Bảng tóm tắt Năng lực PCTT

Lĩnh vực	Khía cạnh	Năng lực phòng chống thiên tai
An toàn cộng đồng	Cơ sở vật chất	<p>- Nhà ở kiên cố: 150 có thể vận động làm nơi trú ẩn cho nhân dân; - Trụ sở UBND xã kiên cố, 04 Nhà văn hóa thôn kiên cố (Minh Tân Bắc, Minh Tân Nam, Đạm Thủy Bắc, Đạm Thủy Nam) làm nơi tránh bão;</p> <p>- Hệ thống điện - Có 10 trạm biến áp do địa Công ty cổ phần điện huyện Mộ Đức quản lý. + 5.890m đường dây hạ thế . + 100% hộ dân được sử dụng nguồn điện.</p> <p>- Đường giao thông + Có 01 tuyến đường xã đã nhựa hóa 6.200m. + Có 02 tuyến đường rừng Lâm môn và rừng biển, chiều dài 7.942 đã được bê tông hóa, đạt 99%, đảm bảo an toàn trong giao thông.</p> <p>- Trường học + Trường Mầm non Đức Minh tại 02 thôn Minh Tân Nam và Đạm Thủy Bắc, đạt chuẩn quốc gia, trường THCS Đức Minh đã kiên cố hóa.</p> <p>- Trạm Y tế + Trạm Y tế được đầu tư xây dựng khang trang (nhà 02 tầng) vào năm 2015, và đạt chuẩn quốc gia 2016. + Trạm Y tế có cán bộ chuyên môn gồm: 01 bác sĩ, 04 Y sĩ, 01 dược sĩ Trung học, 01 điều dưỡng đại học, 01 nữ hộ sinh. + Triển khai hoàn thành tốt công tác chăm sóc sức khỏe tại địa phương.</p> <p>- Hệ thống cảnh báo sớm + 13\17 cụm loa hoạt động hiệu quả. + 95% hộ dân sử dụng phương tiện nghe nhìn; + 90% hộ dân sử dụng dịch vụ điện thoại; + 30 hộ dân tiếp cận dịch vụ Internet.</p> <p>- Rừng phòng hộ: Có 5km rừng phòng hộ dọc theo bờ biển đã tạo nên vành đai chắn sóng, chắn gió bão.</p> <p>- Phương tiện tại chỗ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 03 thuyền (01 thuyền máy, 03 ghe chèo tay); 02 nhà bạt, 01 máy phát điện, 82 pháo cứu sinh, 38 áo phao, 06 tấm bạt,

		<p>30 bộ áo mưa, 20 đèn pin, 04 loa cầm tay, 600m dây ni lông, 14 mũ bảo hộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng: 02 chiếc xe chiến thắng, 02 xe đầu kéo.
	Tổ chức xã hội	<p>*Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> Ban Chỉ huy PCTT xã được thành lập gồm có 31 người; trong đó đ/c UBND xã làm Trưởng Ban, các thành viên là đại diện các ban ngành đoàn thể trong xã. Đội dân quân tự vệ: 105 người, hầu hết là nam. Thành lập Đội thanh niên xung kích gồm 11 thành viên có sức khỏe, nhiệt tình (trong đó cán bộ nữ quản lý). Hàng năm, có Quyết định kiện toàn BCH, tiến hành sơ kết, tổng kết. Trung đội xung kích: 15 người; Lực lượng dự bị động viên 105 người; Hàng năm, BCH PCTT rà soát, kiểm tra xây dựng Phương án PCTT của xã; Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT cấp trên. Triển khai thực hiện công tác tuyên truyền PCTT trước khi thiên tai xảy ra. Hàng năm có xây dựng kinh phí phục vụ cho công tác PCTT. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, đoàn thể trong công tác PCTT.
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	<p>* Nhận thức, kinh nghiệm thái độ, động cơ</p> <ul style="list-style-type: none"> 40% người dân có kiến thức PCTT: chằng chống nhà cửa...; 70% người dân có kinh nghiệm về PCTT; chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nước uống trước khi thiên tai xảy ra; 05% hộ dân dự trữ thuốc men trước khi thiên tai xảy ra; Người dân có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau khi có thiên tai xảy ra.
Sản xuất kinh doanh	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> 20% diện tích trồng lúa, hoa màu, dưa nằm trong vùng cao ráo; Các hộ nằm trong vùng ngập úng đều có máy bơm nước. Gần 40 hộ nuôi trồng thủy sản; trong đó, 09 hộ nuôi tôm trắng (21 ao, hồ), diện tích 56m², có thu nhập cao. 212 chiếc tàu thuyền, công suất 11.720CV tham gia đánh bắt hải sản trên biển; Tổng đàn trâu: 12 con, bò: 3.224 con (trong đó có 80% bò lai); heo: 7.630 con; đàn gia cầm: 46.292 con. Toàn xã có khoảng 219 cơ sở: Bún khô nước mắm, gỗ dân dụng, may gia dụng, sô chế mức khô, cá khô... hoạt động hiệu quả. Chợ trung tâm xã được kiên cố, hàng hóa đảm bảo phục vụ người dân, nhất là cung cấp nhu yếu phẩm cho người dân dự trữ trước khi thiên tai xảy ra.
	Tổ chức xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Có 01 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, Trung tâm dịch vụ biển hoạt động hiệu quả. Nhà nước hỗ trợ người dân tiếp cận vốn vay để đầu tư sản xuất.

		<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác hải sản trên các vùng biển xa bờ của Nhà nước theo Quyết định 48\2010\QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Hỗ trợ vay vốn đầu tư phát triển ngành nghề. - Triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm (Tiêm phòng dịch tả lợn, lở mồm long móng, dịch cúm gia cầm).
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất. - Nhiều hộ dân mạnh dạn đầu tư, nuôi trồng thủy hải sản theo công nghệ mới đạt kết quả cao. - Người dân tự tìm hiểu, học tập kinh nghiệm trong việc chọn con giống, loại thức ăn, xử lý dịch bệnh. - Hầu hết người dân, đặc biệt là ngư dân có tinh thần đoàn kết chặt chẽ, hỗ trợ nhau trong mọi tình huống. - Phần lớn, người dân có kinh nghiệm đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra. - Biết tự học hỏi kinh nghiệm để tăng gia sản xuất.
Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> - Trên địa bàn xã người dân đã dùng nguồn nước ngầm để sản xuất và sinh hoạt, nguồn nước đảm bảo tốt. - Có 40% hộ dân chăn nuôi có hầm biogas. - Đội ngũ cán bộ Trạm Y tế đảm bảo trình độ thực hiện CSSK cho nhân dân. - Có 21 cộng tác viên y tế cũng thường xuyên tham gia tập huấn để trang bị kiến thức. - 80% có nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh. - Hợp đồng Tư nhân có xe Chiến Thắng để làm công tác môi trường thu gom và vận chuyển rác thải cho 60% hộ dân.
	Tổ chức xã hội	<p>*Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ BHYT cho 100% hộ gia đình. - Thực hiện tốt chương trình tiêm chủng quốc gia. - Xử lý nguồn nước cho người dân sau khi thiên tai xảy ra. - Tổ chức ra quân vệ sinh môi trường. - Thực hiện tuyên truyền VSMT. - Phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể trong việc thực hiện CSSK và VSMT.
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	Phần lớn, người dân quan tâm đến vấn đề sức khỏe, kiểm tra sức khỏe khi thấy có vấn đề bất thường.

*** Nhận xét về năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH**

Qua đợt đánh giá tại cộng đồng khi thực hiện công cụ phân tích giới cho thấy năng lực PCTT, BĐKH theo giới: Nam được tiếp cận các chương trình tập huấn, tham gia Ban chỉ huy PCTT nhiều hơn nữ; trong gia đình nam là người được tiếp cận nguồn lực nhiều hơn nữ, nam

có quyền quyết định trong gia đình nên họ tự tin, chủ động sáng tạo trong công việc; nam có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, cơ hội thăng tiến, học hỏi kinh nghiệm; Nữ là người chăm lo công việc gia đình nên họ có kiến thức kinh nghiệm về chăm sóc con cái, cất giữ đồ đạc trong gia đình, cần cù chịu khó, một số chị em có nhiều kinh nghiệm hoạt động xã hội, đã chủ động xây dựng nguồn lực, phát triển kinh tế hộ gia đình.

- **Sản xuất nông nghiệp:** Chiếm 72,6 số hộ tham gia, thu hút cả nam và nữ đều tham gia., chủ yếu là trồng rau màu và chăn nuôi; cây lúa thì người dân canh tác ở địa phương khác. Người dân ở đây có kinh nghiệm trong trồng trọt và chăn nuôi; tiếp cận sử dụng máy móc hiện đại vào trong sản xuất nông nghiệp. Theo nhận định của bà con những năm gần đây tình hình nắng nóng kéo dài, mưa lũ xuất hiện nhiều; cường độ và tần suất ngày một gia tăng đã ảnh hưởng đến các loại cây trồng, vật nuôi. Các hộ gia đình chủ động đầu tư giếng khoan chủ động nguồn nước tưới cho diện tích cây mỳ, đậu, cây mía.

- **Lâm nghiệp:** số diện tích rừng sản xuất đã được cấp sổ đỏ cho hộ dân quản lý, vì vậy việc trồng, bảo vệ chăm sóc, khai thác có hiệu quả.

- **Nuôi trồng thủy sản:** Chủ yếu là nuôi tôm xuất khẩu theo hình thức nuôi tôm công nghiệp 1 năm 3 vụ cho thu nhập cao hơn làm nông nghiệp; Các gia đình vừa nuôi tôm vừa làm ruộng (Nam giới nuôi tôm, nữ làm ruộng) nam giới thường phải đi canh đồng tôm, nữ vừa làm ruộng vừa phải làm công việc gia đình. đầu ra của tôm tương đối ổn định, các hộ ký kết với các công ty về cung cấp giống, tập huấn kiến thức và bao tiêu sản phẩm.

- **Dịch vụ, thương mại, du lịch:** Tiểu thương và buôn bán nhỏ 407 cơ sở, phần lớn là nữ tham gia tạo thu nhập nâng cao chất lượng cuộc sống; 165 dịch vụ, du lịch; đặc biệt tại 04 thôn đều có dịch vụ biển hoạt động hiệu quả..

- **Giáo dục:** trình độ giáo viên đảm bảo, 100% học sinh đến tuổi đi học được đến trường.

- **Về y tế:** Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, tăng cường công tác khám chữa bệnh và phòng ngừa các dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng. Chỉ đạo kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm tra, giám sát dịch bệnh tại cộng đồng và tổ chức dọn vệ sinh, phun thuốc tiêu độc, khử trùng phòng, chống dịch sốt xuất huyết.

4. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Người dân hiểu biết về biến đổi khí hậu, thiên tai còn hạn chế. Mặc dù đã có một số kinh nghiệm về phòng tránh thiên tai nhưng còn rất ít, đặc biệt là việc áp dụng trong điều kiện BĐKH chưa phù hợp; Những năm gần đây hiểu biết về thiên tai ngày càng được cải thiện hơn thể hiện qua việc làm nhà kiên cố hơn, nữ chủ động dự trữ lương thực thực phẩm trước mùa thiên tai, nam chằng chống nhà cửa ... Nhưng người dân kể cả nam và nữ chưa được tiếp cận chưa được tập huấn kiến thức về BĐKH, kiến thức PCTT; công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, thích ứng với biến đổi khí hậu chưa thường xuyên nên đa số người dân còn chủ quan, trông chờ, thiếu chủ động, chưa biết phương châm “4 tại chỗ” trong phòng chống

thiên tai; 100% hộ gia đình không xây dựng kế hoạch PCTT, không có phương tiện cảnh báo sớm như ra điô để nghe cảnh báo thiên tai mỗi khi mất điện, nằm trong khu vực có nguy cơ cao nhưng người dân không biết nơi để di dời sơ tán, không tiếp cận được với kế hoạch phòng chống thiên tai của địa phương; Một số người dân ý thức đóng góp cộng đồng cho việc phòng chống thiên tai chưa cao, còn trông chờ vào sự đầu tư của nhà nước nên chưa huy động được nhiều nội lực từ nhân dân.

Đánh giá mức độ nhận thức rủi ro thiên tai theo giới:

Qua đánh giá tại 02 cụm thôn cho thấy 70% nam giới cơ bản có kinh nghiệm về PCTT/thích ứng với BĐKH, nữ chiếm 30% (phần lớn những người lớn tuổi); Mặt khác do đặc thù của cơ cấu lao động, phân công công việc các hộ đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, những công việc nặng như: chằng chống, gia cố nhà cửa, tham gia đội cứu hộ cứu nạn, hộ đê nam làm là chủ yếu... nên các rủi ro họ thường phải đối mặt đó là: người có thể bị chết hoặc bị thương, hoặc các rủi ro về áp lực gánh nặng trong gia đình khi họ luôn nghĩ rằng mình là trụ cột gia đình nên khi gia đình họ bị thiệt hại do thiên tai, rủi ro bất ngờ có thể làm cho họ bị ảnh hưởng về tinh thần.

Trong khi đó 95% nữ giới tại địa phương chịu trách nhiệm chính về chăm lo công việc gia đình, chăm sóc con cái, 50% nữ tham gia công việc trồng, chăm sóc lúa hoa màu, các rủi ro chị em thường phải đối mặt đó là một số các bệnh liên quan đến tình trạng ngập úng kéo dài trên diện rộng đó là cảm sốt và bệnh ngoài da; Khi thiên tai xảy ra công việc chăm sóc con cái, chăm sóc cuộc sống gia đình, các công việc về PCTT chị em phải đối mặt với những khó khăn. Có thể bị ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của phụ nữ khi không có nam giới ở nhà.

Qua đợt đánh giá tại cộng đồng cả nam và nữ thì nhận thức của nam giới tốt hơn so với nữ giới vì nam giới thường là trụ cột gia đình, là người quyết định mọi việc và tham gia các hoạt động xã hội nhiều hơn, đồng thời cũng là người tham gia công tác PCTT nhiều hơn, nên hiểu biết về RRTT cũng nhiều hơn nữ giới.

C. Tổng hợp Rủi ro thiên tai và Giải pháp phòng, chống thiên tai/BĐKH

1. Tổng hợp rủi ro thiên tai:

Thiên tai	Xu hướng thiên tai	Rủi ro thiên tai
Bão	<p>Gió lớn cấp 10, cấp 11, kèm mưa to</p> <p>Tần suất ngày càng tăng, cấp độ bão ngày càng lớn.</p>	<p>* An toàn cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà sập, trôi, tốc mái ; - Tài sản, các trang thiết bị gia dụng hư hỏng; - Cơ sở hạ tầng bị phá hủy; - Hư hỏng đường giao thông. - Đường giao thông sạt lở, cầu, cống dễ bị sập (đã

		<p>xuống cấp) làm gián đoạn giao thông;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường học sập , tóc mái khi có bão; học sinh nghỉ học; - Cột điện bị đổ, hệ thống đường dây điện bị hư hỏng nặng' . <p>* Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ao, hồ nuôi tôm, bị vỡ, sạt lở; hồ nuôi cá bị hư hỏng nặng; thủy sản bị trôi; - Tàu thuyền bị trôi, chìm, ngư lưới cụ bị trôi, hư hỏng. - Diện tích lúa, hoa màu bị, đổ gãy, ngập úng. - Gia súc, gia cầm chết, trôi; <p>* Sức khỏe, vệ sinh, môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi trường bị ô nhiễm, dịch bệnh về người và gia súc. - Ô nhiễm nguồn nước sau lũ lụt ảnh hưởng đến đời sống người dân.
Lũ, lụt	<p>Mưa to kéo dài, nước dâng nhanh ; xuất hiện nhiều hơn so với những năm trước đây. Nước lên nhanh, rút chậm (3 ngày mới rút hết)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà bị ngập nước; - Nhà bị ngập nước khoảng 1,5-2mét. - Đường giao thông bị sạt lở, hư hỏng. - Hoa màu bị ngập úng; lương thực, thực phẩm bị ướt. Ruộng lúa bị sa bồi thủy phá. - 50% hàng hóa của tiểu thương bị hư hỏng, ướt. - Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp bị ngập nước hư hỏng hàng hóa, gián đoạn hoạt động; - Thiệt hại về gia súc, gia cầm. - Tài sản của các cơ quan; các trang thiết bị trong trường học bị hư hỏng nặng, - Môi trường bị ô nhiễm, dịch bệnh về người và gia súc. - Ô nhiễm nguồn nước, môi trường sau lũ lụt ảnh hưởng đến đời sống người dân .
Giông sét, lốc xoáy	<p>Xảy ra bất ngờ, khó dự đoán</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người chết, bị thương; - Nhà sập, tóc mái; - Thiết bị điện hư hỏng; - Trường học bị tóc mái, học sinh nghỉ học; - Trụ điện gãy đổ, mất điện kéo dài; - Ghe, thuyền chìm, hư hỏng; ngư lưới cụ bị phá hủy;

		<ul style="list-style-type: none"> - Cây cối ngã, đổ; hoa màu mất trắng; - Chuồng trại hư hỏng, thiệt hại gia súc, gia cầm. - Dễ bị cháy rừng phòng hộ.
--	--	--

2. Xếp hạng rủi ro thiên tai:

Qua phân tích thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương, người dân và cán bộ xã đã xác định được 09 rủi ro thiên tai thường xuyên ảnh hưởng đến người dân toàn xã, tiến hành xếp hạng theo 3 tiêu chí: (1) Nghiêm trọng; (2) Diện rộng; (3) Thường xuyên xảy ra, kết quả theo bảng sau:

Rủi ro thiên tai	Cụm 1 (Thôn Minh Tân Bắc và thôn Minh Tân Nam)		Cụm 1 (Thôn Đạm Thủy Bắc và thôn Đạm Thủy Nam)		Tổng cộng		Tổng cộng	Xếp hạng
	Nam (14)	Nữ (16)	Nam (17)	Nữ (13)	Nam (31)	Nữ (29)		
1. Nhà cửa có nguy cơ bị sập, tóc mái, hư hỏng khi có thiên tai xảy ra	10	8	8	10	18	16	34	IV
2. Người có nguy cơ bị chết hoặc bị thương khi thiên tai xảy ra.	11	11	9	9	20	20	40	II
3. Gia súc, gia cầm có thể bị chết, bị trôi, dịch bệnh khi xảy ra lũ lụt	4	6	4	6	8	12	20	VII
4. Hàng hóa của các hộ dân dịch vụ thương mại có thể bị ướt, trôi, hư hỏng	8	5	2	7	10	12	22	VI
5. Các phương tiện đánh bắt có thể bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra	6	4	3	5	9	9	18	IX
6. Đường giao thông có thể bị ngập nước, sạt lở, ách tắc	7	7	7	8	17	15	32	V

giao thông.								
7.Hệ thống truyền thanh hư hỏng, không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo	1	2	1	2	2	4	6	XII
8.Nguy cơ mắc các bệnh tiêu chảy, sốt xuất huyết, sốt siêu vi, bệnh ngoài da...sau thiên tai	9	10	9	12	18	22	40	III
9.Ngập úng trên diện rộng, hư hại mất trắng hoa màu, cây lương thực	12	12	12	11	24	23	47	I
10. Nguy cơ mất trắng sản lượng thủy sản khi có thiên tai	5	7	5	3	10	10	20	VIII
11.Thiệt hại về cây lâm nghiệp khi có bão	2	3	6	5	8	8	16	X
12. Mất điện kéo dài khi có thiên tai xảy ra	3	1	4	4	7	5	12	XI

Kết quả xếp hạng rủi ro theo các lĩnh vực:

- **An toàn cộng đồng:** Người dân kể cả nam và nữ ở các thôn đều đặc biệt quan tâm đến các rủi ro: Người có thể bị chết hoặc bị thương do bão, lốc xoáy gây ra; nhà bị sập, tốc mái do bão lớn; đường giao thông sạt lở, ách tắc giao thông do thường xuyên bị ngập nước trong thời gian dài (có khi đến 02 tuần)

- **Sản xuất, kinh doanh:** Người dân ở 02 cụm thôn hết sức quan tâm đến những rủi ro thiệt hại về cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp, gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh.

Những hộ dân tham gia hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản đặc biệt quan tâm đến những rủi ro: thiệt hại về người, ghe, thuyền bị hư hỏng, chìm; ao, hồ nuôi tôm cua bị sạt, lở, ao cá bị trôi. Phụ nữ cũng rất quan tâm vì lo lắng mất mát tài sản, mất mát người thân; quan tâm đến những rủi ro thiệt hại về cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp, gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh.

- **Sức khỏe, vệ sinh, nước sạch, môi trường:** Người dân quan tâm đến rủi ro môi trường bị ô nhiễm, dịch bệnh xảy ra ảnh hưởng đến sức khỏe.

* **Nhận xét chung:** Đa số người dân xã Đức Minh vẫn còn thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu nên nhận thức về rủi ro thiên tai, BĐKH còn hạn chế; đặc

biệt là những người dân KDC số 05, 12, 21, 23, 24 là khu vực có nguy cơ cao, những người dân người sống vùng thấp trũng chưa được tập huấn kiến thức PCTT, cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu; đa số các hộ dân vùng có nguy cơ cao dễ tác động của bão, lũ nhưng người dân thiếu kiến thức về xây dựng nhà an toàn, kỹ thuật chằng chống nhà cửa. Đặc biệt người phụ nữ luôn phải chịu áp lực với tác động của thiên tai, vừa lo lắng tổn hại về tài sản, mùa màng, hàng hóa..., họ còn phải chịu tổn hại về tinh thần khi người chồng, người con trai tham gia đánh bắt hải sản trên biển với bao nguy hiểm, rủi ro.

Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai/BĐKH

Lĩnh vực	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm; Người hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thực hiện	Thời gian	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Nhà nước	Người dân	Huy động
An toàn cộng đồng	1. Vận động làm nhà cho 18 hộ dân có nhà đơn sơ ở vùng có nguy cơ cao, nhà có hoàn cảnh khó khăn	Các hộ có nhà ở đơn sơ, không kiên cố	1. Khảo sát, đánh giá, bình xét, lập danh sách	Các đoàn thể thôn, xã, địa chính, XD	Ngắn hạn	100%		
			2. Vận động nguồn lực	Ban Mặt trận thôn, CQ địa phương	Ngắn hạn	30%	20%	50%
			3. Tập huấn XD nhà an toàn cho các nhóm thợ	XD, các nhóm thợ	Ngắn hạn	100%		
			4. Thiết kế và xây dựng nhà an toàn	XD, các nhóm thợ	Ngắn hạn	50%	50%	
			5. Đưa vào sử dụng	Hộ dân	Dài hạn		100%	
	2. Cứng hóa đường giao thông nông thôn	Đường giao thông liên thôn	1. Khảo sát, đánh giá	Địa chính-GT-TL	Trung hạn	100%		
			2. Lập dự trù kinh phí	GT-TL	Ngắn hạn	100%		
			3. Vận động nguồn lực	UBND xã, các đoàn thể	Trung hạn	80%	20%	
			5. Tổ chức thực hiện	UBND xã, đoàn thể	Trung hạn	100%		
			6. Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã,	Dài hạn		100%	

				các thôn				
3.Nâng cấp mái và phòng học	trường Tiểu học Đức Minh, tại điểm thôn Minh Tân Bắc và Đạm Thủy	1.Khảo sát, đánh giá,	UBND xã, Hiệu trưởng các trường	Ngắn hạn	100 %			
		2.Vận động nguồn lực	UBND xã, Hiệu trưởng các trường	Trung hạn	100 %			
		3.Tổ chức thực hiện	UBND xã, Hiệu trưởng các trường	Trung hạn	100 %			
		4.Vận hành, sử dụng, bảo quản	Giáo viên và học sinh	Dài hạn		100 %		
4.Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT	Đội xung kích, lực lượng đánh bắt hải sản, Cán bộ, giáo viên, Nghiệp Đoàn nghề cá, Người dân trong xã	1. Lập KH (kinh phí, điều kiện đảm bảo)	Lãnh đạo UBND, các đoàn thể	Ngắn hạn	100 %			
		2. Tuyên truyền PCTT lồng ghép qua các buổi họp ở thôn và các ban, ngành đoàn thể.	Trưởng thôn, các ngành, đoàn thể	Thường xuyên	100 %			
		3. Tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh xã	Lãnh đạo UBND, Cán bộ văn hóa thông tin xã	Thường xuyên	100 %			
		4. Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn cho đội xung kích, lực lượng đánh bắt hải sản; người dân, các em học sinh.	Trạm y tế; các ban, ngành, đoàn thể xã, hiệu trưởng các trường	Trung hạn	25%	5%	70 %	
		5. Tổ chức diễn tập	Ban CHPCTT, Trưởng thôn, dân	Trung hạn	30%	20%	50 %	
5. Nâng cấp, đầu tư trang	Hệ thống truyền thanh	1.Khảo sát, đánh giá	CB văn hóa, Lãnh đạo xã	Ngắn hạn	100 %			

	bị hệ thống truyền thông	của xã	2. Lập dự toán	Cán bộ Văn hóa; tài chính	Ngắn hạn	100 %		
			3. Vận động nguồn lực	UBND xã, các đoàn thể	Trung hạn	50%		50 %
			4. Tổ chức thực hiện	UBND xã, xây dựng	Trung hạn	70%	20%	
			5. Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, cán bộ Văn hóa	Dài hạn	100 %		
Sản xuất kinh doanh	6. Bảo vệ diện tích rừng hiện có và trồng mới (rừng phòng hộ trên cát và rừng sản xuất)	Rừng phòng hộ và rừng sản xuất	1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân bảo vệ rừng (rừng phòng hộ và rừng sản xuất)	BCH Phòng cháy, chữa cháy rừng, các ban ngành, đoàn thể, trưởng thôn	Dài hạn	100 %		
			2. Khảo sát lại diện tích rừng hiện có	Địa chính, XD	Ngắn hạn	100 %		
			3. Trồng bổ sung diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất	CQ địa phương, nhân dân	Dài hạn	30%	30%	70 %
			4. Xây dựng quy chế trồng, bảo vệ rừng (hạn chế phá rừng để nuôi tôm, làm nhà)	UBND xã	Dài hạn	50%	50%	
	6. Xây dựng Bến và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão		1. Khảo sát, đánh giá,	UBND xã, địa chính, XD	Ngắn hạn	100 %		
			2. Lập dự toán	Địa chính-GT-TL	Ngắn hạn	100 %		
			3. Vận động nguồn lực	UBND xã, các đoàn thể	Trung hạn	100 %		
			4. Tổ chức thực hiện	UBND xã, XD	Trung hạn	100 %		

			5. Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, các thôn	Dài hạn		100 %		
7. Đẩy mạnh việc củng cố và phát triển nghề cá	Chủ ghe, thuyền và ngư dân	1. Thành lập Nghiệp đoàn nghề cá	UBND xã	Ngắn hạn	100 %				
		2. Xây dựng kế hoạch phát triển bền vững nghề cá	UBND xã, Nghiệp đoàn nghề cá	Ngắn hạn	100 %				
		2. Tăng cường công tác quản lý bến bãi	Trung tâm dịch vụ biển	Thường xuyên	100 %				
		3. Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp ghe, thuyền và ngư lưới cụ	Đồn biên phòng Đức Minh, Chủ tàu thuyền	Thường xuyên	30%	20%	50 %		
8. Đầu tư nâng cấp hệ thống tiêu úng		1. Khảo sát, đánh giá,	UBND xã, GT- TL	Ngắn hạn	100 %				
		2. Lập dự toán	UBND xã, GT-TL	Ngắn hạn	100 %				
		3. Vận động nguồn lực	UBND xã, GT-TL	Trung hạn	100 %				
		4. Tổ chức thực hiện	UBND xã, GT-TL	Trung hạn	100 %				
		5. Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, GT-Tà người dân	Dài hạn		100 %			
9. Áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Người dân toàn xã	1. Tuyên truyền lồng ghép qua các cuộc họp thôn	Trưởng thôn, các ngành, đoàn thể, Nông nghiệp	Thường xuyên	100 %				
		2. Tập huấn trang bị kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản cho người dân	UBND xã, Phòng Nông nghiệp	Thường xuyên	100 %				
		3. Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo	HTX, Phòng Nông	Ngắn hạn	50%	50%			

				nghiệp				
	10. Xây dựng, phát triển các mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình thích ứng với BĐKH		1. Khảo sát	Nông nghiệp	Ngắn hạn	100%		
			2. Vận động nguồn lực, kêu gọi đầu tư	Nông nghiệp	Trung hạn	50%	50%	
			3. Học tập kinh nghiệm	Nông nghiệp, người dân	Ngắn hạn	50%	50%	
			4. Xây dựng mô hình điểm	Nông nghiệp, người dân	Ngắn hạn	50%	50%	
			5. Nhân rộng đại trà	Nông nghiệp, người dân	Trung hạn	50%	50%	
			6. Nghiệm thu đưa vào thực hiện	Nông nghiệp, người dân	Trung hạn	50%	50%	
	11. Áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Người dân toàn xã	1. Tuyên truyền lồng ghép qua các cuộc họp thôn	Trưởng thôn, các ngành, đoàn thể, Nông nghiệp	Thường xuyên	100%		
				2. Tập huấn trang bị kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản cho người dân	UBND xã, Phòng Nông nghiệp	Thường xuyên	100%	
				3. Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo	HTX, Phòng Nông nghiệp	Ngắn hạn	50%	50%
Sức khỏe, vệ sinh, môi	12. Xử lý ÔNMT		1. Tuyên truyền lồng ghép qua các cuộc họp thôn về VSMT	Trưởng thôn, các ngành, đoàn thể,	Thường xuyên	100%		

trường		2. Thành lập Tổ tự quản VSMT	Các Ban thôn	Ngắn hạn	100 %		
		3. Thực hiện chế tài xử lý vi phạm ÔNMT	UBND, Công an, người dân	Thường xuyên	100 %		

D. Kết luận và đề xuất

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra cho người dân xã Đức Minh, trong thời gian tới, đề xuất các ngành, các cấp có thẩm quyền cần tập trung một số giải pháp sau:

1. Đối với các ngành

- **Nông nghiệp:** Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo; tập huấn áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (> 30% nữ tham gia); xây dựng mô hình điểm phát triển kinh tế hộ gia đình thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển rộng rãi để người dân học tập làm theo (đặc biệt là phụ nữ)

- **Lâm nghiệp:** Bảo vệ diện tích rừng hiện có và trồng mới (rừng phòng hộ trên cát và rừng sản xuất).

- **Thủy sản:** thành lập nghiệp đoàn nghề cá; Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp tàu, thuyền và ngư lưới cụ; đẩy mạnh việc củng cố và phát triển nghề cá.

- **Xây dựng:** Xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; xây dựng nhà an toàn trước thiên tai; thiết kế và xây dựng nhà an toàn, tập huấn cho các đội thợ về kỹ thuật xây dựng nhà an toàn.

- **Giáo dục:** Đầu tư xây dựng nâng cấp mái và phòng học trường Tiểu học Đức Minh tại 02 điểm trường thôn Minh Tân Bắc và 02 thôn Đạm Thủy Nam Bắc.

- **Giao thông, thủy lợi:** Nâng cấp, bê tông hóa đường giao thông liên thôn, liên xóm; xây dựng hệ thống cống thoát nước để giảm tình trạng ngập úng trên diện rộng trong thời gian dài.

- **Thông tin truyền thông:** Nâng cấp, đầu tư trang bị hệ thống truyền thông cảnh báo sớm; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao nhận thức của người về vệ sinh môi trường.

- **Các tổ chức:** Vận động làm nhà cho 18 hộ dân có nhà đơn sơ ở vùng có nguy cơ cao, nhà có hoàn cảnh khó khăn;

2. Đối với UBNDTTQVN và các đoàn thể xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động trong đoàn viên, hội viên và nhân dân, nâng cao hiểu biết, nâng cao ý thức chủ động phòng ngừa, ứng phó khi thiên tai xảy ra, theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, thu gom, xử lý rác thải và xử lý triệt để các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, các tổ chức trong hoạt động phòng chống thiên tai và các hoạt động khác.

3. Đối với Đảng ủy, UBND Xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, đặc biệt về Luật phòng chống thiên tai, Đề án 1002 của Chính Phủ, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác phòng chống thiên tai.

- Vận động, kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, các chương trình dự án để nâng cấp hệ thống loa truyền thanh toàn xã, nhằm phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền, thông tin liên lạc, dự báo, các biển báo nơi có nguy cơ cao

- Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai trong việc xây dựng dự án, kế hoạch phòng chống thiên tai và lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã. Hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật thông tin để bổ sung vào kế hoạch phòng chống thiên tai.

- Lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch PTKT xã hội của địa phương trong ngắn và dài hạn.

- Hàng năm sơ kết, tổng kết để đánh giá, rút kinh nghiệm và khen thưởng kịp thời trong công tác phòng chống thiên tai.

4. Cấp huyện, tỉnh, Trung ương, dự án GCF

Để có các biện pháp giúp cho địa phương và người dân xã Đức Minh chủ động phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế - xã hội và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã Đức Minh kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, các tổ chức Phi chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động trong kế hoạch PCTT và xem xét giải quyết các kiến nghị, đề xuất sau:

***An toàn cộng đồng**

1. Trước mắt, hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ dân có nhà ở không an toàn, đặc biệt gia đình phụ nữ là chủ hộ;

2. Nâng cấp, đầu tư trang bị hệ thống truyền thông, biển báo, cảnh báo sớm;

3. Nâng cấp, bê tông hóa đường giao thông liên thôn; liên xóm; xây mới Cổng Bàu rộc tại điểm nhà bà Trần Thị Nhung và tại cổng Bàu ốc thôn Đạm Thủy Bắc;

4. Đầu tư xây dựng nâng cấp mái và phòng học trường Tiểu học Đức Minh tại 02 điểm trường thôn Minh Tân Bắc và 02 thôn Đạm Thủy Nam Bắc.

5. Trong trung và dài hạn cần quy hoạch, xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão;

6. Tập huấn kiến thức PCTT, biến đổi khí hậu cho cán bộ, người dân, học sinh các trường học (ít nhất 30% nữ tham gia);

7. Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, lực lượng đánh bắt xa bờ;

8. Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT.

*** Sản xuất kinh doanh**

1. Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp tàu, thuyền và ngư lưới cụ;

2. Đẩy mạnh việc củng cố và phát triển Nghề cá;

3. Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo;

4. Tập huấn áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (ít nhất 30% nữ tham gia);

5. xây dựng mô hình điểm phát triển kinh tế hộ gia đình thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển rộng rãi để người dân học tập làm theo (đặc biệt là phụ nữ)

*** Sức khỏe, vệ sinh, môi trường**

1. Thành lập các Tổ tự quản vệ sinh môi trường;

2. Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch;

3. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người về vệ sinh môi trường nhất là đối tượng phụ nữ.

Trên đây là báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng xã Đức Minh thực hiện đánh giá vào tháng 3 năm 2018 đã được lãnh đạo xã và các ngành, đoàn thể góp ý bổ sung./.

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA, Tỉnh, Huyện (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN Tỉnh, Huyện (báo cáo);
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Các phụ lục kèm theo báo cáo Đánh giá RRTT-DVCD:

Phụ lục 1. Giới thiệu về mục tiêu và phương pháp đánh giá

Phụ lục 2. Danh sách tham gia đánh giá RRTT-DVCD

Phụ lục 3. Lịch trình đánh giá tại địa phương

Phụ lục 4. Kết quả đánh giá

Phụ lục 5. Kế hoạch PTKTXH xã tại năm đánh giá

Phụ lục 6. Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Phụ lục 7. Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá của nhóm